BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Lê Thị Cẩm Giang
Sinh viên thực hiện : Lê Thị Nhi
Mã số sinh viên : 2254010043
Khóa học : 2022 – 2026
Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG **KHOA KINH TẾ** **BỘ MÔN KẾ TOÁN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Nhi
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức.
- Hệ thống sổ kế toán: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết các tài khoản 511, 515, 632, 635, 642, 711, 811, 821, 911.
- Báo cáo tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.

4. Các bảng biểu

5. 5. Cán bộ hướng dẫn: Các anh/ chị nhân viên phòng kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC MỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH vi
DANH MỤC VIẾT TẮT ix
LỜI CẢM ƠN x
LỜI MỞ ĐẦU xi
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 1
1.1. Những vấn về chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1
1.1.1. Các đặc điểm liên quan 1
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ... 1
1.2. KẾ TOÁN DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC 2
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 2
1.2.1.1. Đặc điểm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 2
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng. 4
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng, sổ sách sử dụng 5
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán 6
***1.2.2.* Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.** 7
1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu. 7
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng. 8
1.2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 8
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán 9
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. 9
1.2.3.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính. 9
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng. 9
1.2.3.3. Chứng từ sử dụng. 10
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán. 11
1.2.4. Kế toán thu nhập khác. 11
1.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác. 11
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng. 12
1.2.4.3. Chứng từ sử dụng. 12
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán. 13
1.3. KẾ TOÁN CÁC LOẠI CHI PHÍ. 13
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán. 13
1.3.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán. 13

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng. 15
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng. 15
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán 15
1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 16
1.3.2.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh 16
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng. 17
1.3.2.3. Chứng từ sử dụng. 18
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán 18
..... 19
***1.3.3.* Kế toán chi phí tài chính.** 20
1.3.3.1. Đặc điểm chi phí tài chính. 20
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng. 20
1.3.3.3. Chứng từ sử dụng. 21
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán 21
1.3.4.1. Đặc điểm chi phí khác. 21
1.3.4.2. Tài khoản sử dụng. 22
1.3.4.3. Chứng từ sử dụng. 22
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán. 23
***1.3.5.* Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.** 23
1.3.5.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. 23
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng. 23
1.3.5.3. Chứng từ sử dụng. 24
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán. 25
***1.4.* KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH** 25
1.4.1.1. Đặc điểm. 25
1.4.1.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh. 25
1.4.1.3. Tài khoản sử dụng. 26
1.4.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 26
1.4.1.4. Phương pháp hạch toán 27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC 28
2.1. Tổng quan về công ty. 28
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty. 28

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty. 28
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban. 29
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty. 29
2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty. 30
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty. 30
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Tâm Toàn Đức. 32
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 32
2.2.1.1. Đặc điểm. 32
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng. 33
2.2.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 33
2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty. 33
..... 33
2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa. 34
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu. 38
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. 38
2.2.3.1. Đặc điểm. 38
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng. 38
2.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 39
2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty. 39
2.2.3.5. Nghiệp vụ minh họa. 39
2.2.4. Kế toán thu nhập khác. 42
2.2.4.1. Đặc điểm. 42
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng. 42
2.2.4.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty 42
..... 42
2.2.4.5. Nghiệp vụ minh họa. 42
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán. 47
2.2.5.1. Đặc điểm. 47
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng. 48
2.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 48
2.2.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty. 48
..... 48
2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. 51

2.2.6.1. Đặc điểm. 51
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng. 51
2.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 51
2.2.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty 52
..... 52
2.2.6.5. Nghiệp vụ minh họa. 52
2.6.5.2. Tài khoản sử dụng. 55
2.6.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty 56
..... 56
2.6.5.5. Nghiệp vụ minh họa. 56
2.6.6. Kế toán chi phí khác. 58
2.6.6.1. Đặc điểm. 58
2.6.6.2. Tài khoản sử dụng. 58
2.6.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 58
2.6.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty 59
2.6.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. 62
2.6.7.1. Đặc điểm. 62
2.6.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 62
2.6.7.3. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty. 63
..... 63
2.6.7.4. Nghiệp vụ minh họa. 63
2.6.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty. 69
2.6.10.1. Đặc điểm. 69
2.6.10.2. Tài khoản sử dụng. 69
2.6.10.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng. 69
2.6.10.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty. 69
2.6.10.5. Nghiệp vụ minh họa. 69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC. 77
3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán tại công ty. 77
3.1.1. Ưu điểm. 77
3.1.2. Hạn chế. 78

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết kinh doanh tại công ty. 80
KẾT LUẬN 1
TÀI LIỆU THAM KHẢO 2
ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI 3
PHỤ LỤC 4

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6
Sơ đồ 3: Hạch toán kế toán bán hàng trả góp 7
Sơ đồ 4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu. 9
Sơ đồ 5: Hạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính 11
Sơ đồ 6: Hạch toán tài khoản 711 – chi phí khác 13
Sơ đồ 7: Hạch toán tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán 16
Sơ đồ 8: Hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh 20
Sơ đồ 9: Hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính 21
Sơ đồ 10: Hạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác 23
Sơ đồ 11: Hạch toán tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 25
Sơ đồ 12: Hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh 27
Sơ đồ 13: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý công ty 29
Sơ đồ 14: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung. 31
Sơ đồ 15: Sơ đồ ghi sổ trên phần mềm Trí Việt. 31
Sơ đồ 16: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV. 33
Sơ đồ 17: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán Doanh thu hoạt động tài chính 39
Sơ đồ 18: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán thu nhập khác .. 42
Sơ đồ 19: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán giá vốn hàng bán. 48
Sơ đồ 20: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán chi phí quản lý kinh doanh. 52
Sơ đồ 21: Quy trình luân chuyển chứng từ phần hành kế toán Chi phí tài chính. 56
Sơ đồ 22: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán chi phí khác. 59
Sơ đồ 23: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán chi phí thuế TNDN. 63
Sơ đồ 24: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán xác định kết quả kinh doanh. 69

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 1: Hóa đơn GTGT đầu ra số 21. 36
Hình ảnh 2: Màn hình nhập liệu Hóa đơn GTGT 21 trên phần mềm. 37
Hình ảnh 3: Trích sổ nhật ký chung 37
Hình ảnh 4: Trích sổ cái tài khoản 511 38
Hình ảnh 5: Trích sổ chi tiết tài khoản 5113 38
Hình ảnh 6: Trích sao kê ngân hàng Vietcombank 40
Hình ảnh 7: Giao diện nhập doanh thu hoạt động tài chính 40
Hình ảnh 9: Trích sổ cái TK 515 41
Hình ảnh 10: Trích sổ chi tiết TK 515 41
Hình ảnh 11: Giao diện để xem phiếu nhập chi phí mua hàng 43
Hình ảnh 12: Hóa đơn GTGT số 22563 45
Hành ảnh 13: Giao diện nhập chi phí mua hàng. 46
Hính ảnh 14: Trích sổ nhật ký chung 46
Hình ảnh 15: Sổ cái TK 711 47
Hình ảnh 16: Trích sổ chi tiết TK 711 47
Hình ảnh 17: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí vào giá vốn 49
Hình ảnh 18: Bút toán kết chuyển TK 154 sang TK 632 50
Hình ảnh 19: Trích sổ nhật ký chung 50
Hình ảnh 20: Trích sổ cái TK 632 51
Hình ảnh 21: Trích sổ chi tiết TK 632 51
Hình ảnh 22: Bảng chấm công tháng 5 53
Hình ảnh 23: bảng thanh toán tiền lương tháng 5 53
Hình ảnh 24: Giao diện nhập liệu bút toán trích lương tháng 5/2025 54
Hình ảnh 25: Trích sổ nhật ký chung 54
Hình ảnh 26: Trích sổ cái TK 642 55
Hình ảnh 27: Trích sổ chi tiết TK 642 55
Hình ảnh 28: Trích sao kê tài khoản ngân hàng VP BẠNK 56
Hình ảnh 28: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt 57
Hình ảnh 29: Trích sổ nhật ký chung 57
Hình ảnh 30: Trích sổ cái TK 635 58
Hình ảnh 31: Trích sổ chi tiết TK 635 58
Hình ảnh 32: Giấy nộp tiền vào NSNN 60
Hình ảnh 33: Giao diện nhập liệu chi phí khác 61
Hình ảnh 34: Trích sổ nhật ký chung 61
Hình ảnh 35: Trích sổ chi tiết TK 811 62

Hình ảnh 36: Tờ khai thuế TNDN kỳ tính thuế 2025 67
Hình ảnh 37: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt 67
Hình ảnh 38: Trích sổ nhật ký chung 68
Hình ảnh 39: Sổ cái TK 821 68
Hình ảnh 40: Sổ chi tiết TK 821 68
Hình ảnh 41: Chứng từ kế toán KC- 000001 72
Hình ảnh 42: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt 75
Hình ảnh 43: Trích sổ nhật ký chung 75
Hình ảnh 44: Trích sổ cái TK 911 76
Hình ảnh 45: Trích sổ chi tiết TK 911 76
Hình ảnh 46: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 76

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
Công ty TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
GTGT	Giá trị gia tăng
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
GGHB	Giảm giá hàng bán
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm tai nạn
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KC	Kết chuyển
CKTM	Chiết khấu thương mại
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TT-BTC	Thông tư – Bộ Tài Chính
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
TSCĐ	Tài sản cố định
HTK	Hàng tồn kho
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HMLK	Hao mòn lũy kế
DVKM	Dịch vụ khuyến mãi

LỜI CẢM ƠN

Đề hoàn thành đề tài khóa luận "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức " bên cạnh những nỗ lực của bản thân, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô giáo trong Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thạc sĩ Lê Thị Cẩm Giang đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, em cũng xin cảm ơn đến Ban lãnh đạo và toàn thể các anh chị nhân viên tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức đã giúp em có cơ hội tiếp xúc thực tiễn, học hỏi thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tế để em có thể nắm rõ mọi vấn đề liên quan đến quá trình hoàn thành bài luận của mình tại quý công ty. Trong suốt quá trình hoàn thành bài luận tốt nghiệp, em cảm thấy mình đã được trau dồi và học hỏi rất nhiều điều bổ ích. Từ đó, bản thân em đã có thêm thật nhiều kỹ năng và kiến thức giúp ích cho công việc sau này của mình. Với điều kiện hạn chế về thời gian cũng như kiến thức còn hạn chế nên bài báo cáo của em không tránh khỏi có những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô để em có thể bổ sung, nâng cao chuyên môn của mình phục vụ tốt hơn công việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng cạnh tranh, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Việc hạch toán đầy đủ, chính xác doanh thu và chi phí giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp. Vì vậy, em chọn đề tài ***"Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức"*** *để nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán thực tế tại công ty.*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập – Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức trong kỳ kế toán năm 2025

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thu thập số liệu, phương pháp quan sát thực tế, phương pháp phân tích – tổng hợp và phương pháp đối chiếu giữa lý thuyết với thực tiễn nhằm làm rõ nội dung nghiên cứu.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

- ***Chương 1:*** *Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*
- ***Chương 2:*** *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức.*
- ***Chương 3:*** *Nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức.*

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Phần cơ sở lý luận của đề tài được xây dựng và trình bày một cách có hệ thống, dựa trên các quy định và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 133/2016/TT – BTC.

1.1. Những vấn về chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Các đặc điểm liên quan

a. Đặc điểm doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Đặc điểm chi phí:

Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu

c. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh và thường là cuối quý, năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí trong kỳ thì doanh nghiệp có kết quả lãi, ngược lại là lỗ.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh để đảm bảo tính hợp lý, chính xác và kịp thời.
- Tập hợp các chi phí liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị.

- Xác định kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ của đơn vị) dựa vào doanh thu và chi phí đã ghi nhận trong kỳ để kịp thời đưa ra quyết định quản lý, lập kế hoạch chiến lược và định vị lại đơn vị hoặc sản phẩm, dịch vụ trên thị thường. Từ đó trình bày các thông tin về doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh lên BCTC, giúp cho các bên liên quan đánh giá về khả năng sinh lời của đơn vị.

1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong doanh nghiệp, kế toán là công cụ công trọng để quản lý quá trình kinh doanh, thông qua số liệu của kế toán nói chung và số liệu kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng giúp cho doanh nghiệp đánh giá được tình hình hoạt động của công ty.

- Đối với nhà quản lý: giúp theo dõi hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chi phí và lập kế hoạch phát triển doanh nghiệp.
- Đối với nhà đầu tư và tổ chức tài chính: Cung cấp cơ sở để đánh giá khả năng sinh lời và đưa ra quyết định cho vay.
- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: hỗ trợ tổng hợp số liệu kinh tế, điều chỉnh chính sách và xác định nghĩa vụ thuế chính xác.

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Đặc điểm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và CCDV phản ánh doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- CCDV: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như CCDV vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
- Doanh thu khác.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát bán hàng.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Doanh nghiệp cần xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu CCDV khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và những người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Các phương thức bán hàng

- *Phương thức bán hàng tại kho của doanh nghiệp:* Là phương thức bán hàng mà bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Sau đó doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng đại lý:* Là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán và thông báo về số hàng đã được bán, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng hóa này.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Đối với hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp, ngoài giá tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh

toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng xuất khẩu trực tiếp:* Phương thức bán hàng xuất khẩu trực tiếp là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp sẽ trực tiếp giao dịch với bên nhập khẩu, thực hiện việc ký kết hợp đồng, giao hàng hóa xuất khẩu và nhận tiền.
- *Phương pháp bán hàng ủy thác xuất khẩu:* Đối với phương thức bán hàng ủy thác xuất khẩu, doanh nghiệp sẽ không trực tiếp xuất khẩu hàng hóa và thu tiền hàng. Việc này sẽ do một bên thứ 3 là đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu thực hiện xuất khẩu hàng hóa và thu tiền cho doanh nghiệp.

d. Phương thức thanh toán.

- *Phương thức thanh toán trực tiếp*: Đối với những khách hàng mua hàng hóa, dịch vụ sẽ thanh toán ngay sau khi công ty hoàn thành CCDV, hàng hóa.

+ Thanh toán bằng tiền mặt: đối với giao dịch dưới 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và dưới 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản: Đối với giao dịch trên 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và trên 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

- *Phương thức thanh toán trả sau:* Đối với những khách hàng làm ăn lâu dài và ký kết hợp đồng với công ty thì các khoản mua hàng, dịch vụ sẽ được ghi vào công nợ và thanh toán định kỳ hoặc tùy vào cam kết trong hợp đồng kinh tế.
- *Phương thức thanh toán trả trước:* Đối với những khách hàng mới hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ lớn, công ty sẽ yêu cầu khách hàng đặt cọc một phần và thanh toán phần còn lại sau khi hoàn thành việc giao hàng hoặc CCDV.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ	**TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**Có**
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 TK cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa;
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm;
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...
- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

b. Sổ sách sử dụng:

- Sổ quỹ tiền mặt, sổ kho, sổ chi tiết bán hàng;
- Sổ cái TK 511

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán

a. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

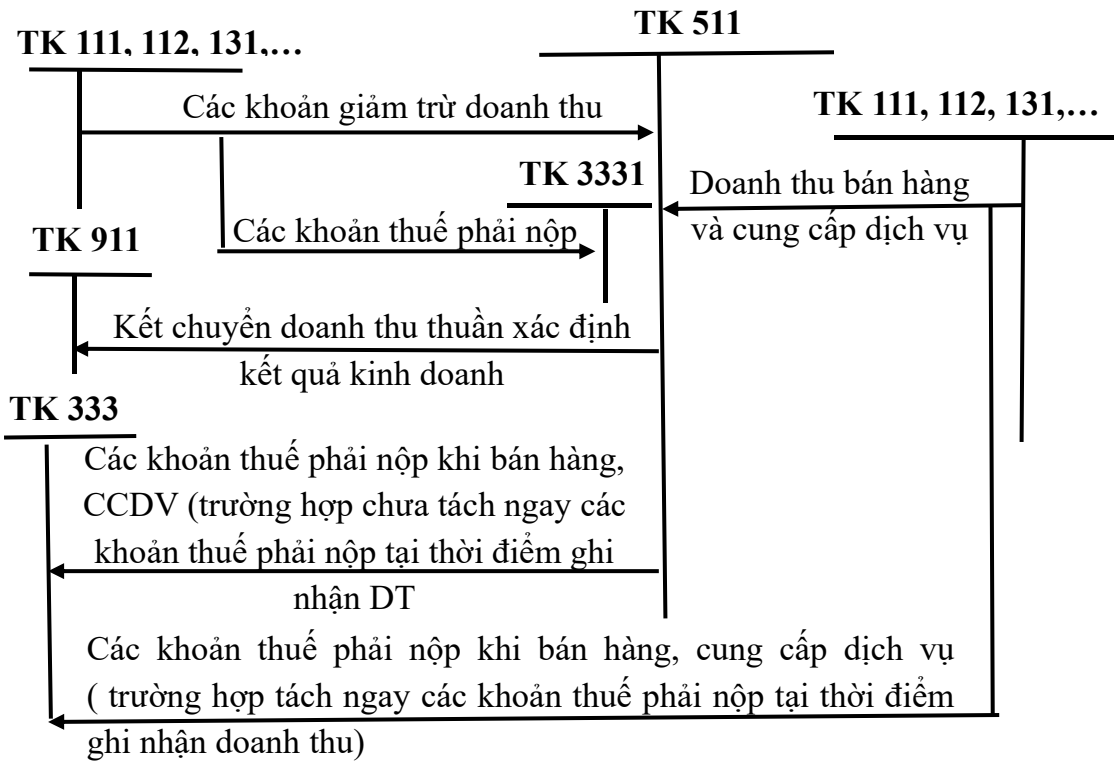

Sơ đồ 1: Hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Kế toán bán hàng đại lý

❖ *Ở đơn vị giao hàng đại lý*

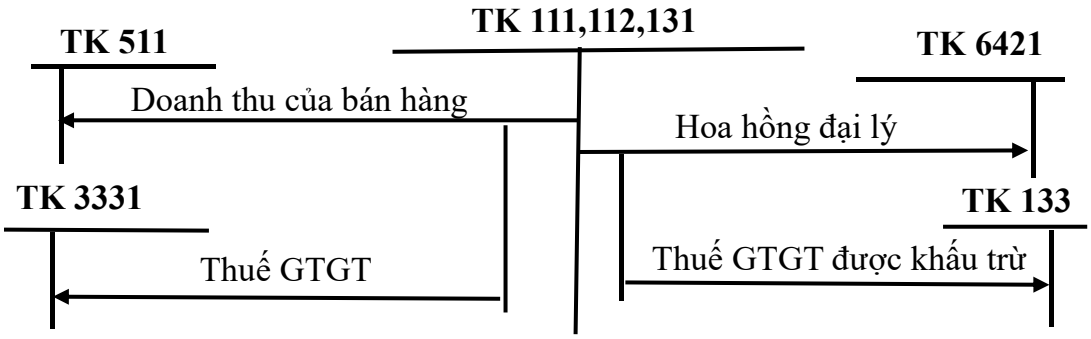

❖ *Ở đơn vị nhận làm đại lý*

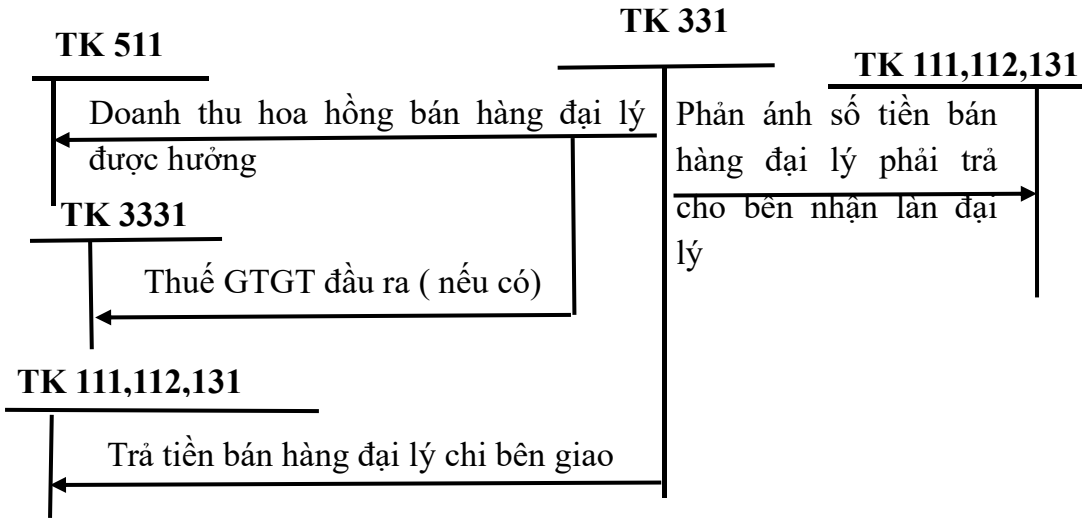

Sơ đồ 2: Hạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý

❖ *Đơn vị bán hàng trả góp:*

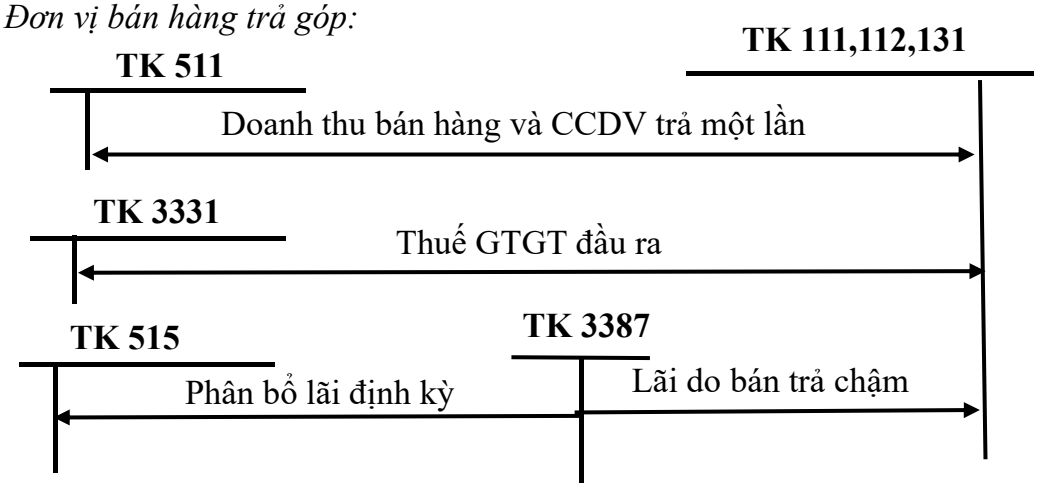

Sơ đồ 3: Hạch toán kế toán bán hàng trả góp

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại được ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.
- Giảm giá hàng bán: khoản giảm trừ cho người mua hàng kém, mất phẩm chất không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của một thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng như: hàng kém chất lượng, hàng không đúng quy định, sai chủng loại. hàng bị trả lại phải có văn bản đề nghị người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại,, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn(nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu chỉ trả lại một phần) và kèm chứng từ nhập kho của doanh nghiệp số hàng đã nói trên.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu các khoản giảm trừ doanh thu:

Nợ	**TK 511- Doanh thu bán hàng và CCDV**	**Có**
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

b. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của Thông tư 133/2016/TT- BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

1.2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng:

- Chiết khấu thương mại:
  + Hóa đơn GTGT;
  + Biên bản điều chỉnh;
  + Hóa đơn điều chỉnh kèm.
- Giảm giá hàng bán:
  + Biên bản giảm giá hàng bán;
  + Hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

- Hàng bán bị trả lại:

+ Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua, kèm thêm các văn bản về lý do bị

trả.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

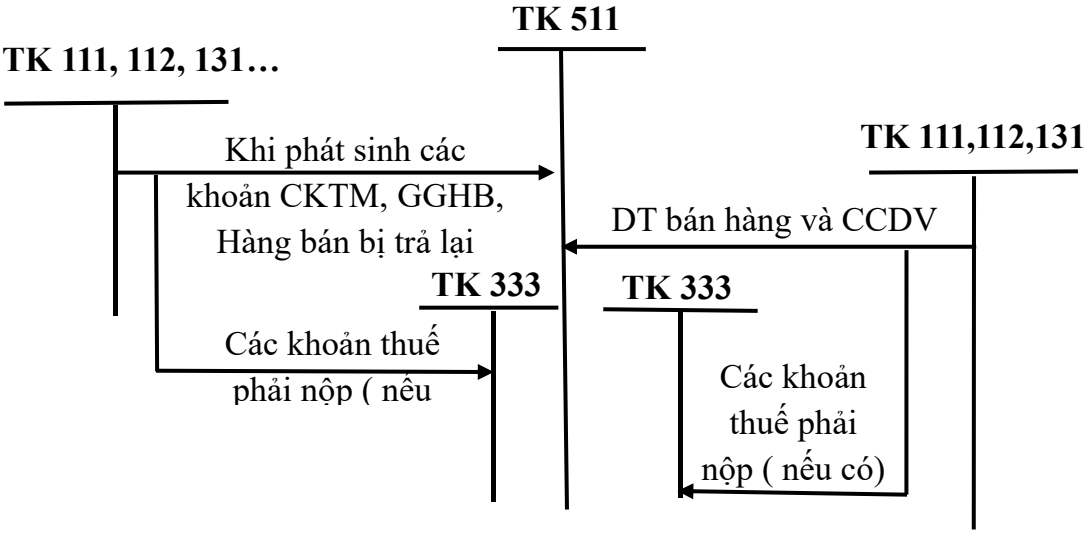

Sơ đồ 4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.3.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính.

Theo Điều 58 của Thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu tài khoản 515 –Doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ	TK 515	Có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"		Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,.. - Cổ tức lợi nhuận được chia - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngăn hạn, dài hạn - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:
  + Giấy báo có
  + Phiếu thu
  + Sổ phụ ngân hàng
  + Bảng tính tiền lãi
  + Phiếu kế toán

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.

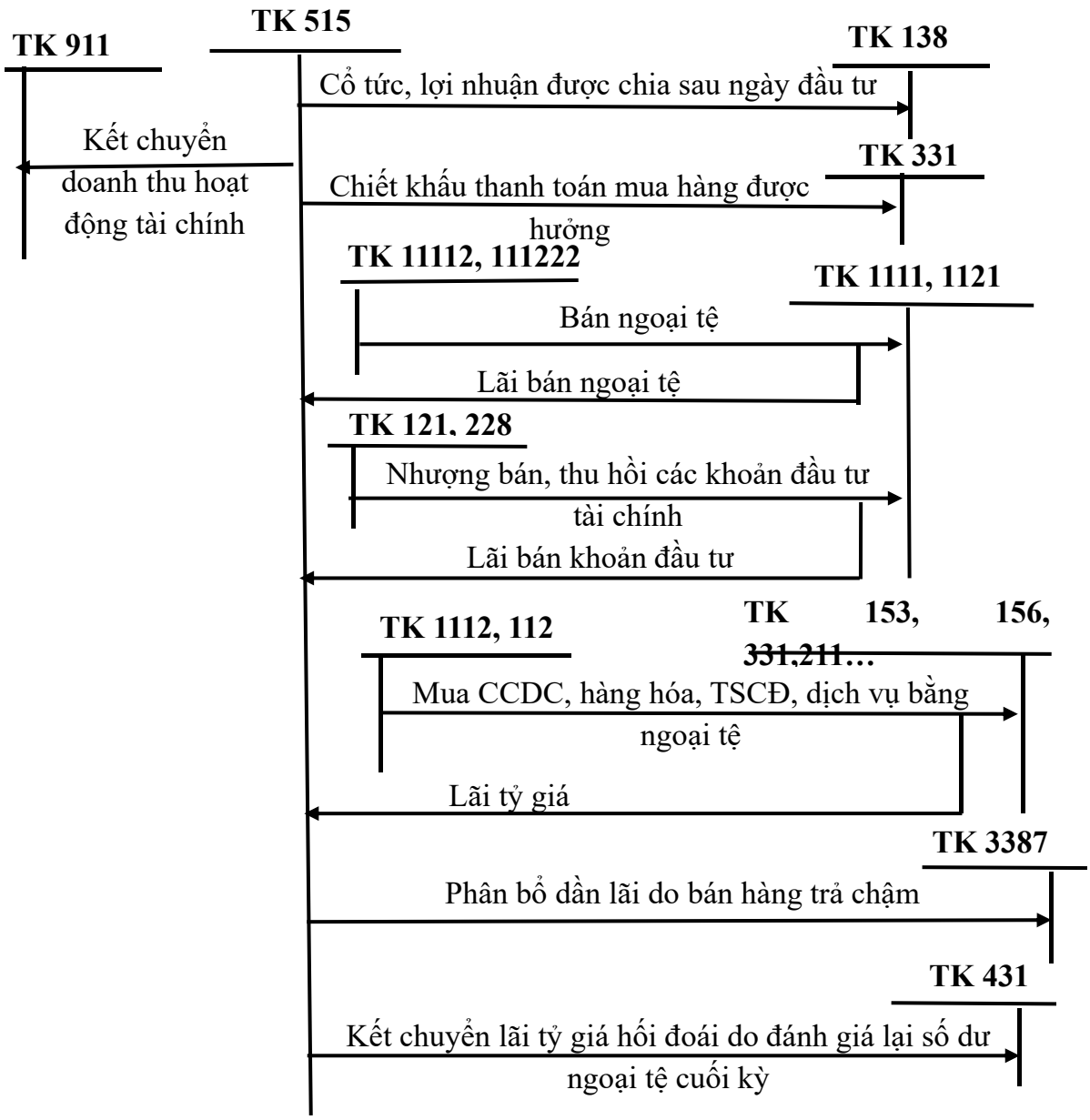

Sơ đồ 5: Hạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác.

1.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác.

Theo Điều 65 của Thông tư 133/2016/TT-BTC: Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầutư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tư):
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;

Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 711 – Thu nhập khác

Nợ	**TK 711- Thu nhập khác**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển thu nhập Khác sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

TK 711 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 711 "Thu nhập khác" để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp

1.2.4.3. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
  + Hóa đơn GTGT
  + Phiếu thu
  + Giấy báo có
  + Biên bản giao nhận TSCĐ
  + Biên bản đánh giá lại TSCĐ
  + Biên bản vi phạm hợp đồng

+ Giấy thông báo hoàn thuế

+ Biên bản thanh lý, nhượng, bán TSCĐ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.

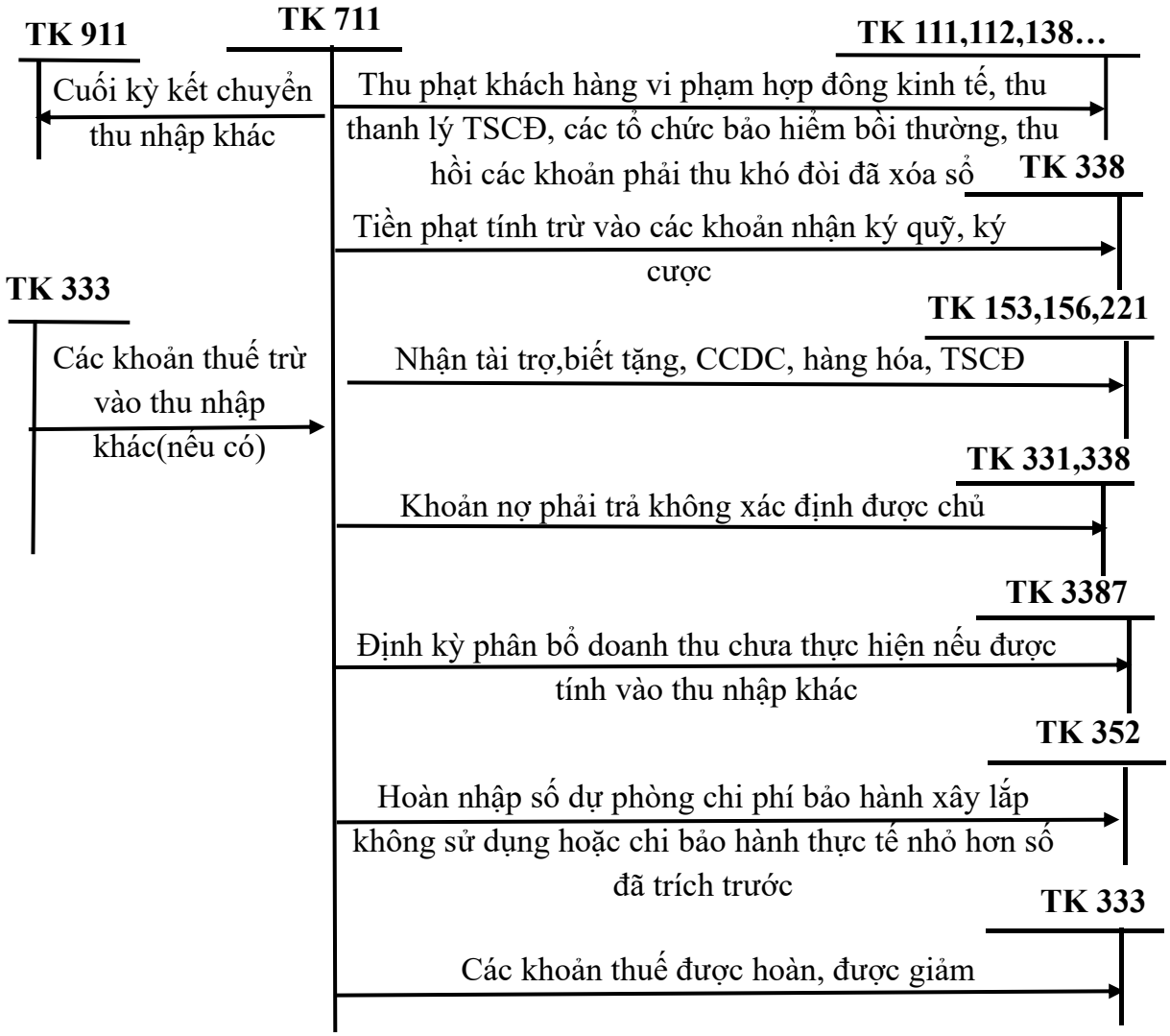

Sơ đồ 6: Hạch toán tài khoản 711 – chi phí khác

1.3. KẾ TOÁN CÁC LOẠI CHI PHÍ.

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

a. Nội dung giá vốn hàng bán.

Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT - BTC : Giá vốn hàng bán là tổng trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí sửa chữa; chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê

bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

b. Các phương pháp giá vốn

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá xuất kho theo quy định trong "Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho".

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ

- *Theo phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO) :*

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau, Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá trị để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

- *Theo phương pháp thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến khi xuất ra (từ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tĩnh theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

- *Theo phương pháp bình quân gia quyền:*

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ, giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ (đơn giá bình quân cả kỳ) hoặc sau mỗi lần nhập (đơn giá bình quân liên hoàn) phụ thuộc vào tình hình thực tế của từng doanh nghiệp.

- Giá trị thực tế hàng tồn kho xuất trong kỳ của hàng hóa được căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức như sau:

$$\text{Giá trị HTK xuất trong kỳ} = \text{Số lượng HTK xuất trong kỳ} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- Đơn giá bình quân gia quyền được xác định sau mỗi lần nhập (đơn giá bình quân liên hoàn) hoặc xác định một lần vào thời điểm cuối kỳ kế toán (đơn giá bình quân cả kỳ), được tính theo công thức như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá HTK đầu kỳ} + \text{Trị giá HTK nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HTK đầu kỳ} + \text{Số lượng HTK nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá tồn HTK sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng HTK sau mỗi lần nhập}}$$

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.

a. *Kết cấu TK 632 - Giá vốn hàng bán*

Nợ	**TK 632 – Giá vốn hàng bán**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt quá trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

b. *Tài khoản sử dụng*

Theo Thông tư 133/2016/TT -BTC của Bộ tài chính, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 632 - Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:
  + Phiếu xuất kho/ nhập kho ;
  + Hóa đơn GTGT;
  + Hóa đơn bán hàng ;
  + Phiếu chỉ;
  + Bảng tổng hợp tồn kho;
  + Hợp đồng mua bán.

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán

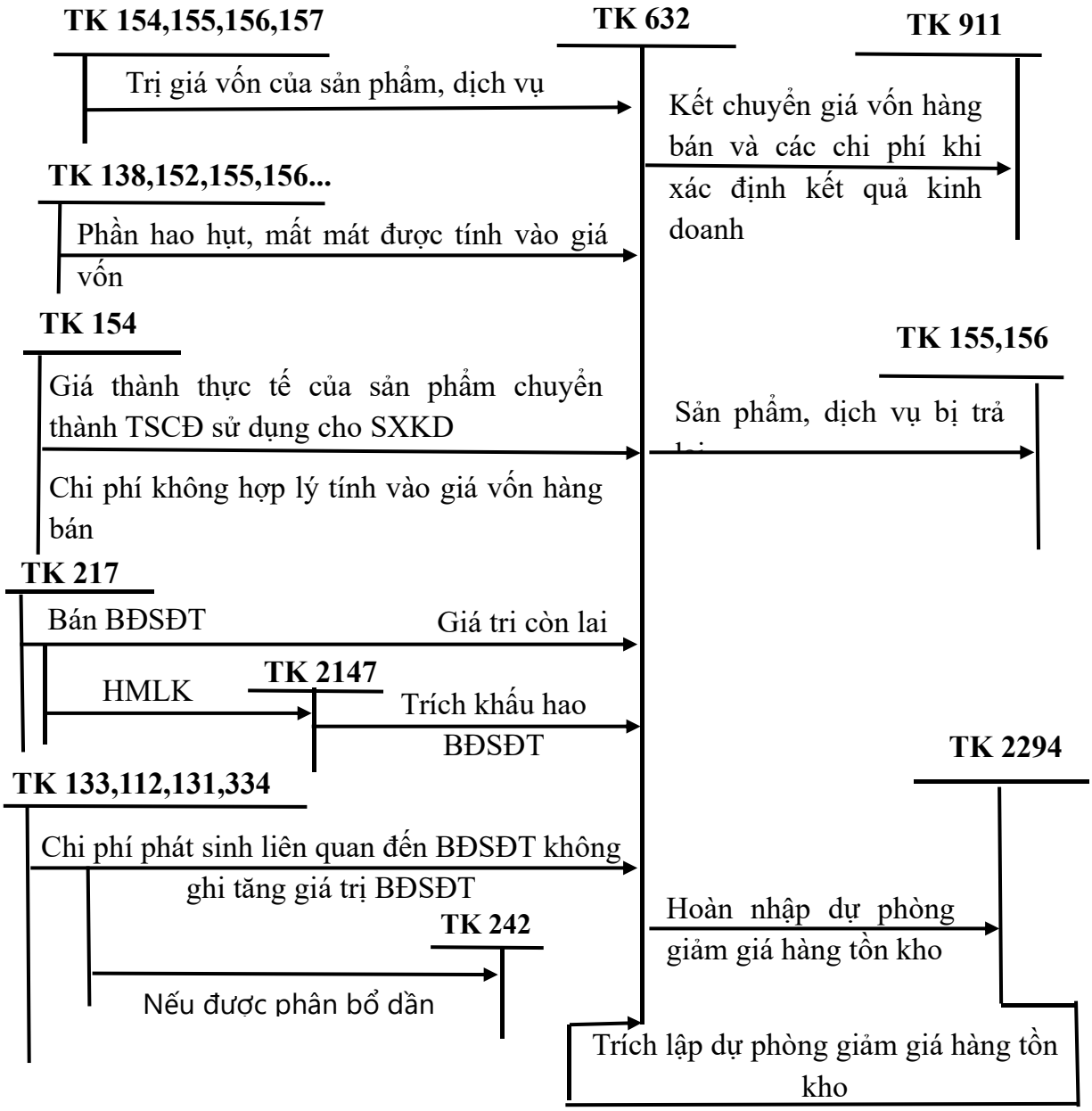

Sơ đồ 7: Hạch toán tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.2.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT - BTC Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng bao gồm: các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...., bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý DN; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ	**TK 642**	**Có**
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 " Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"

Tài khoản 642 không có số dư

b. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT - BTC tài khoản 642 - phản ánh chi phí quản lý kinh doanh như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.2.3. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:

+ Bảng thanh toán tiền lương

+ Bảng phân bổ các khoản trích theo lương

+ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

+ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Phiếu kế toán

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán

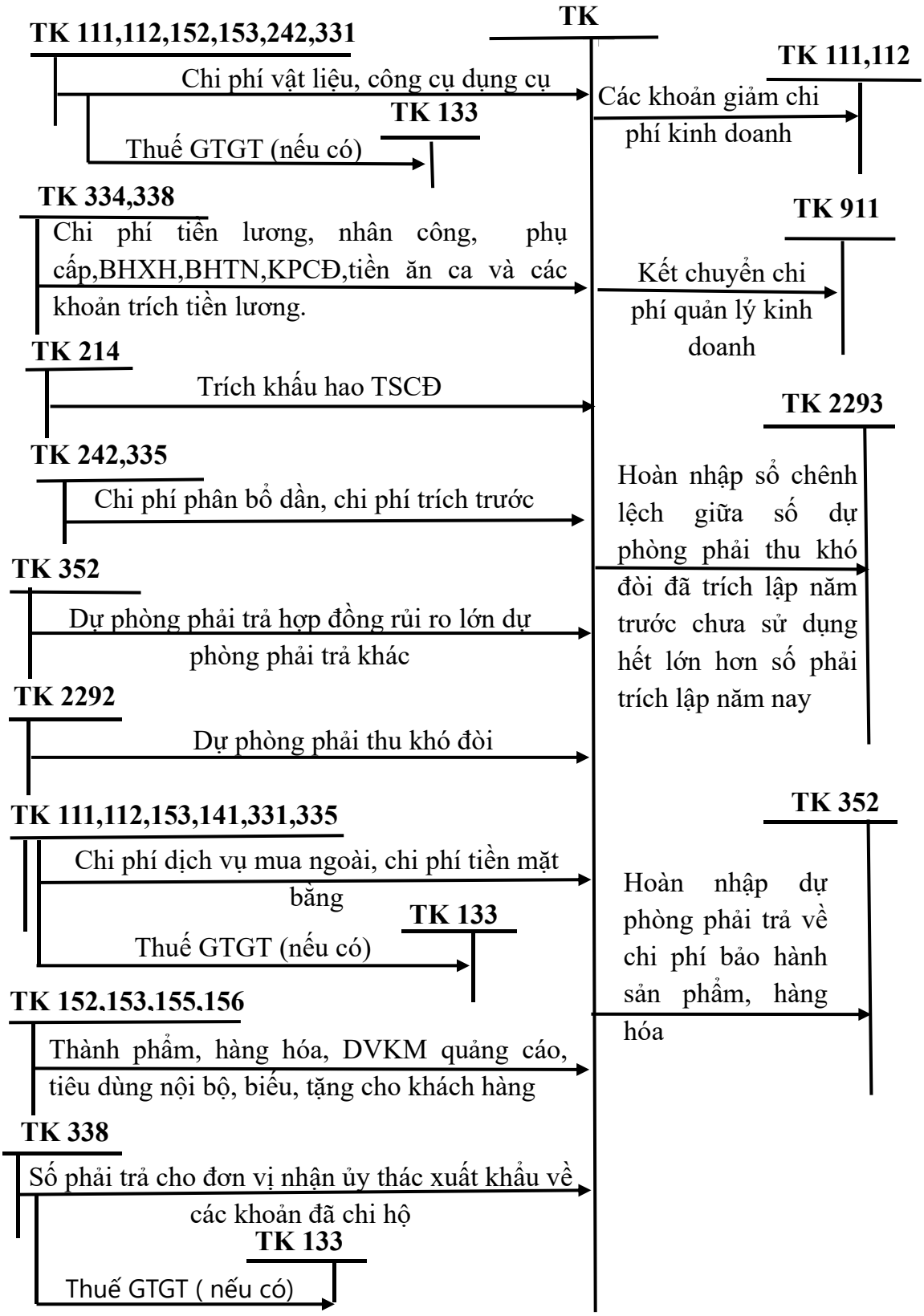
TK
TK 111,112,152,153,242,331
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ
TK 133
Thuế GTGT (nếu có)
TK 111,112
Các khoản giảm chi phí kinh doanh
TK 334,338
Chi phí tiền lương, nhân công, phụ cấp,BHXH,BHTN,KPCĐ,tiền ăn ca và các khoản trích tiền lương.
TK 911
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
TK 214
Trích khấu hao TSCĐ
TK 2293
TK 242,335
Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay
TK 352
Dự phòng phải trả hợp đồng rủi ro lớn dự phòng phải trả khác
TK 2292
Dự phòng phải thu khó đòi
TK 352
TK 111,112,153,141,331,335
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí tiền mặt bằng
TK 133
Thuế GTGT (nếu có)
Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa
TK 152,153,155,156
Thành phẩm, hàng hóa, DVKM quảng cáo, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho khách hàng
TK 338
Số phải trả cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu về các khoản đã chi hộ
TK 133
Thuế GTGT (nếu có)

Sơ đồ 8: Hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3. Kế toán chi phí tài chính.

1.3.3.1. Đặc điểm chi phí tài chính.

Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí tài chính là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hồi đoái phát sinh trong kỳ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 635 – Chi phí tài chính

Nợ	**TK 635- Chi phí tài chính**	**Có**
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước);		Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết); Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

TK 635 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng TK 635 - Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính: Lỗ tỷ giá hối đoái, dự phòng tổn thất vào đơn vị khác, các khoản chi phí giao dịch về chứng khoán kinh doanh...

1.3.3.3. Chứng từ sử dụng.

- Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Bảng tính lãi....

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán

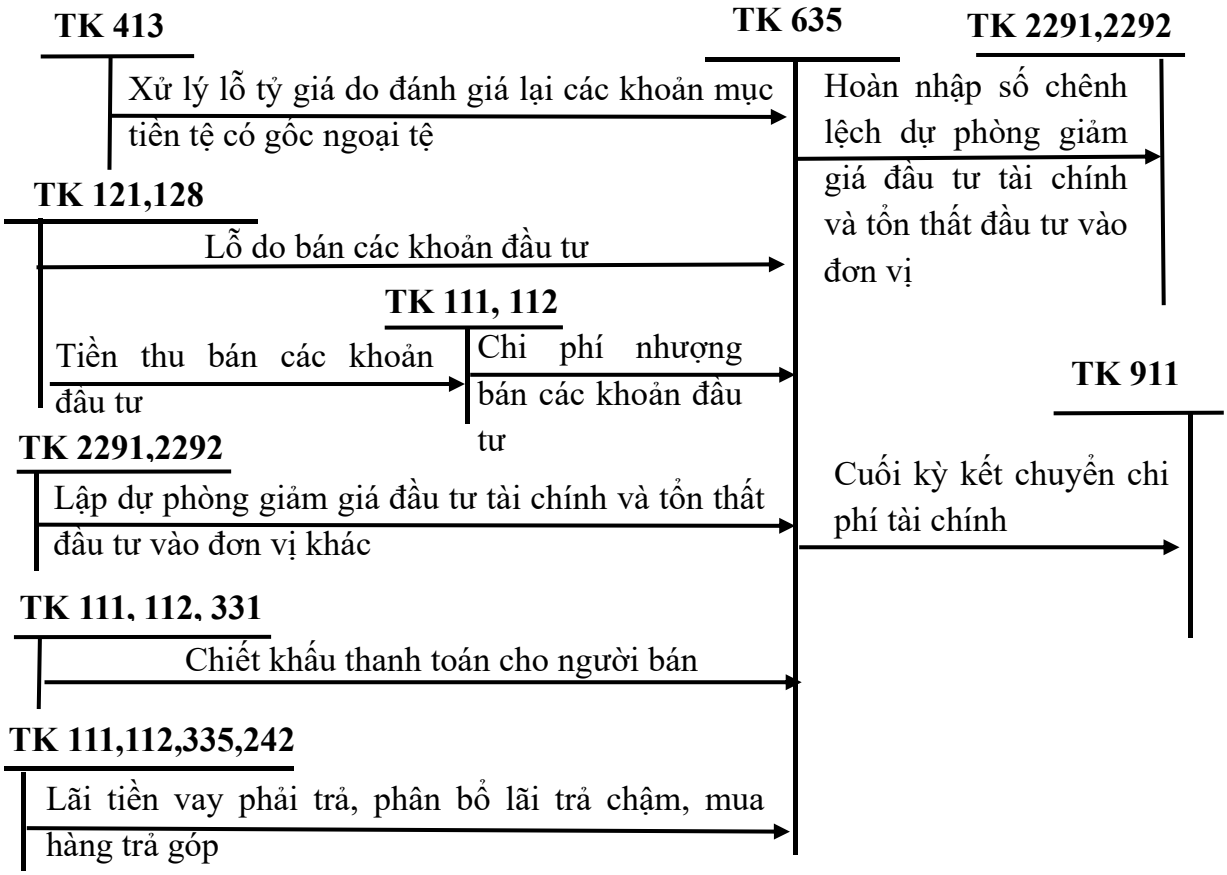

Sơ đồ 9: Hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính

1.3.4. Kế toán chi phí khác.

1.3.4.1. Đặc điểm chi phí khác.

Theo Điều 66 của Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư,

hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính, các khoản chi phí khác,...

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 811 – Chi phí khác

Nợ	**TK 811- Chi phí khác**	**Có**
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí khác kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác

1.3.4.3. Chứng từ sử dụng.

- Ủy nhiệm chi;
- Biên bản vi phạm hợp đồng;
- Biên bản thanh lý TSCĐ;
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước;
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước...

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.

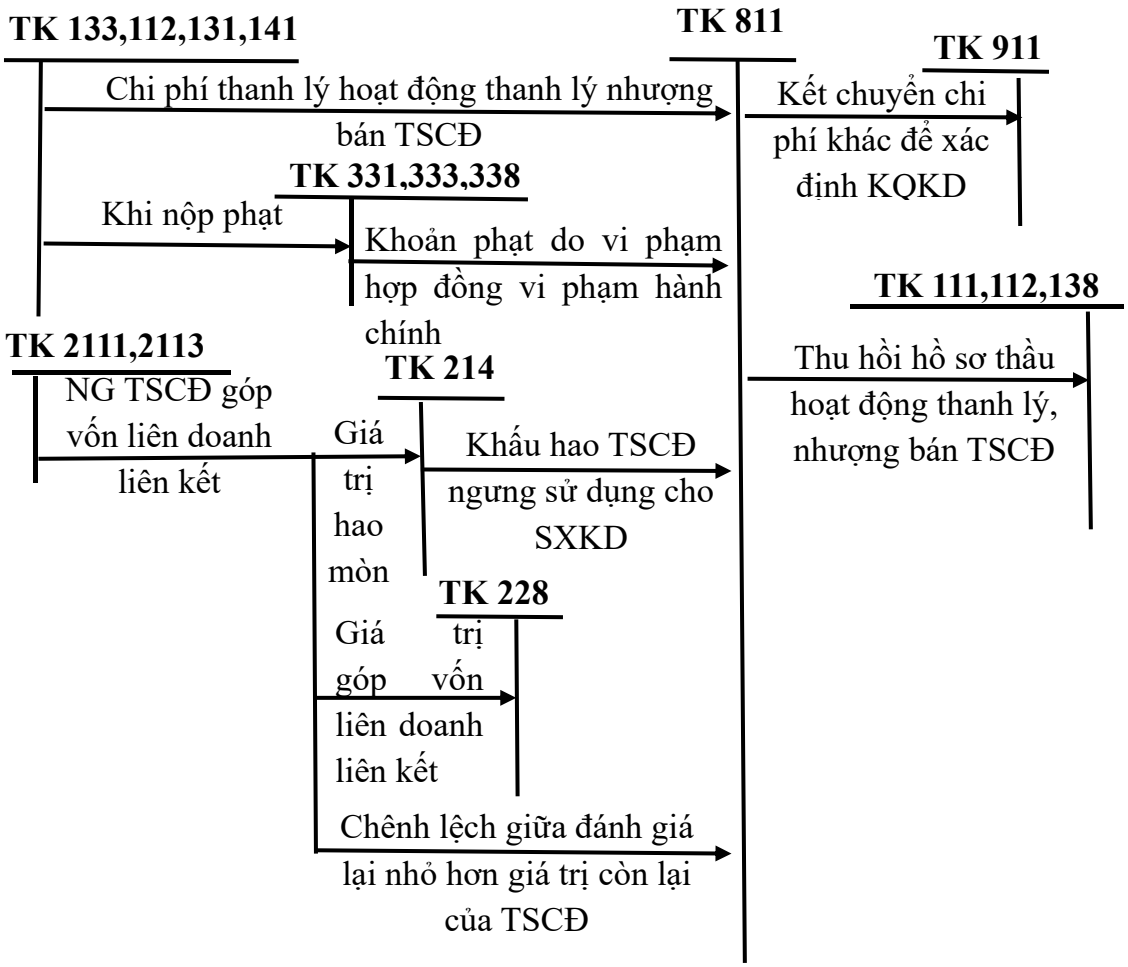

Sơ đồ 10: Hạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.5.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Nợ	TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Kế toán phản ánh thuế TNDN trên tài khoản 821 "Chi phí thuế TNDN"

1.3.5.3. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
  + Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;
  + Tờ khai quyết toán thuế TNDN;
  + Tờ khai điều chỉnh thuế TNDN;
  + Giấy nộp tiền .

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.

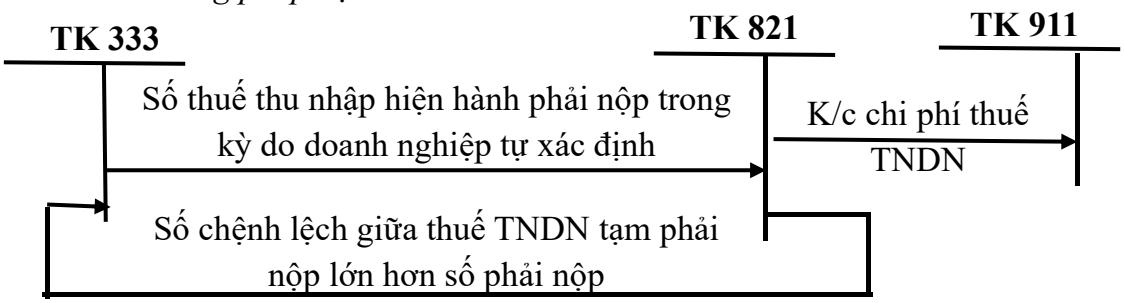

Sơ đồ 11: Hạch toán tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.4.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.4.1.1. Đặc điểm.

1.4.1.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức tính các chỉ tiêu trên Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh:

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV = Doanh thu thuần BH và CCDV - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về BH&CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN – Chi phí thuế TNDN

1.4.1.3. Tài khoản sử dụng.

a. Kết cấu TK 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ	**TK 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh”

1.4.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng kết chuyển doanh thu và chi phí…..

1.4.1.4. Phương pháp hạch toán

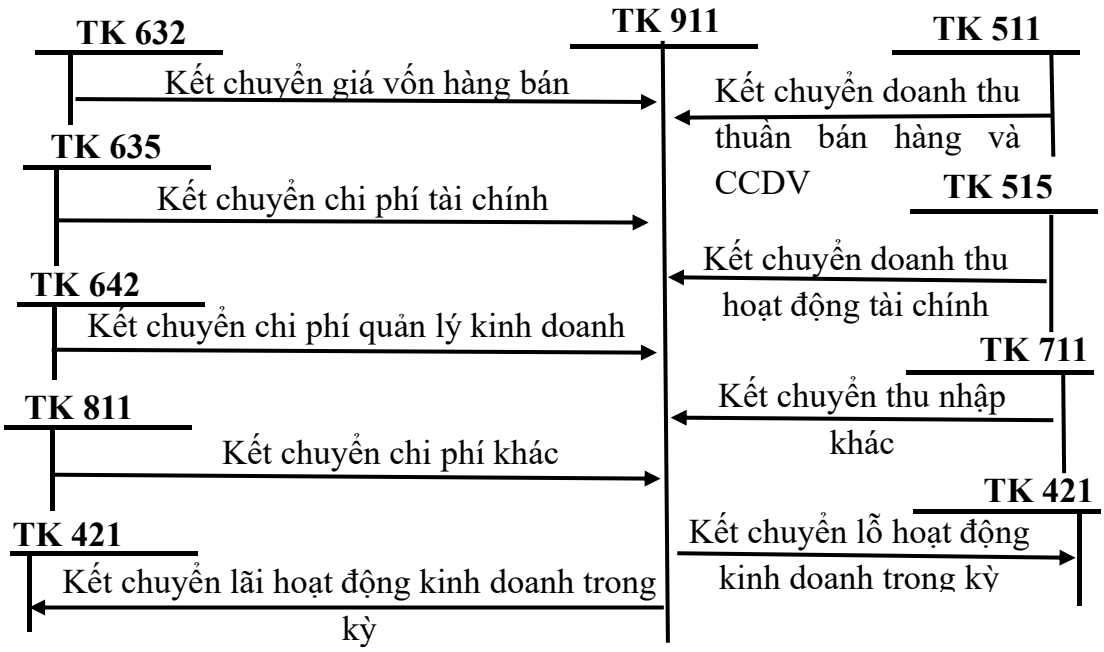

Sơ đồ 12: Hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC

2.1. Tổng quan về công ty.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức
- Địa chỉ công ty: 498/3 Võ Nguyên Giáp, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0402071843
- Vốn điều lệ: 5 tỷ Đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Dung
- Ngày bắt đầu hoạt động: 03/12/2020
- Hotline: 0943.860.922
- Email: tamtoanduc1986@gmail.com
- Cơ quan quản lý Thuế: Quận Ngũ Hành Sơn - Đội Thuế liên huyện Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn.
- Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức
- Vì kinh doanh vận tải là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên sẽ phải kèm theo giấy phép Kinh doanh Vận tải bằng xe ô tô (giấy phép con).

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức được thành lập vào ngày 03 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp phép.

Phương hướng phát triển của đơn vị trong tương lai

- Trong tương lai công ty đang hướng tới việc mở rộng dịch vụ vận tải không chỉ ở Đà Nẵng và các tỉnh khu vực miền Trung mà còn mở rộng ra ngoài thị trường quốc tế.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ để bảo đảm thời gian vận chuyển đúng hạn và an toàn. Bên cạnh đó, còn tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nhằm mang lại trải nghiệm dịch vụ tốt nhất và nâng cao mức độ hài lòng từ phía khách hàng.
- Đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là phát triển nền tảng trực tuyến để hỗ trợ khách hàng đặt dịch vụ và giám sát tiến trình hàng hóa được vận chuyển.
- Công ty cũng đặt mục tiêu phát triển lâu dài và ổn định bằng cách áp dụng các giải pháp nhằm bảo vệ môi trường trong hoạt động vận tải, đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên và giảm thiểu tai nạn trong lao động.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

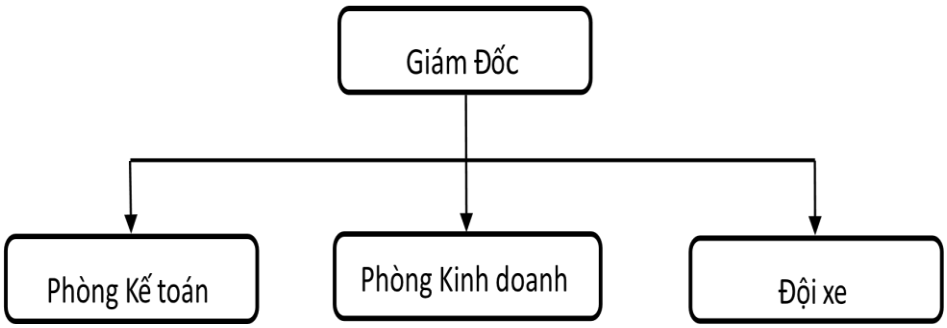

Sơ đồ 13: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý công ty

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

Giám đốc: Đây chính là người lãnh đạo cao nhất, có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát toàn bộ quá trình vận hành của Công ty. Định hướng chiến lược phát triển, quản lý tài chính và nhân sự. Đại diện Công ty trong các giao dịch quan trọng, làm việc với đối tác, cơ quan chức năng.

Phòng kinh doanh: Đảm nhiệm việc điều hành các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Phòng này sẽ đảm nhiệm việc tìm kiếm và phát triển khách hàng, tư vấn cho khách hàng về giá cả, dịch vụ, các chính sách ưu đãi và ký kết hợp đồng. Phối hợp công việc đồng thời với đội xe để đảm bảo dịch vụ vận tải được diễn ra đúng kế hoạch.

Phòng kế toán: Quản lý tài chính, theo dõi doanh thu, chi phí, lãi lỗ của Công ty. Thực hiện xử lí các bút toán, lập báo cáo tài chính, kê khai thuế. Nhờ đó, Công ty có thể đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về tài chính, kế toán và thuế từ cơ quan quản lý Nhà nước.

Đội xe:

- Quản lý: Nguyễn Hồng Hạo người điều hành kiêm người chịu trách nhiệm nắm bắt kế hoạch công việc, bốc hàng, trả hàng, hợp đồng công ty.
- Tài xế: Gồm 13 tài xế (mỗi xe một tài xế) đảm bảo vận chuyển hàng hóa an toàn, đúng tiến độ, tuân theo các quy tắc pháp lý.
- Phụ lái: Tùy vào tuyến (hàng nhiều thuê)

Bảo quản phương tiện vận tải, thực hiện việc kiểm tra xe trước và sau mỗi chuyến đi như: xăng, dầu, nhớt, hệ thống phanh, lốp xe, nước làm mát, đèn tín hiệu... Báo cáo ngay nếu phát hiện lỗi kỹ thuật hoặc sự cố để bảo trì kịp thời. Ngoài ra, đội xe còn có trách nhiệm lưu trữ và bàn giao đầy đủ các loại giấy tờ xe, hóa đơn và chứng từ liên quan đến quá trình vận chuyển cho bộ phận kế toán để phục vụ cho công tác hạch toán và báo cáo.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty luôn giữ vai trò then chốt trong công tác quản lý tài chính và tuân thủ các quy định pháp luật về kế toán – thuế tại Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty chỉ gồm một kế toán kiêm thủ quỹ có các nhiệm vụ như sau:

Kế toán kiêm thủ quỹ: Bà Nguyễn Thị Huyền theo dõi, giám sát lịch trình xe chạy và lập bảng kê vận chuyển. Trong Công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sẽ được kế toán ghi chép đầy đủ, bao gồm doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải, chi phí xăng dầu, bảo trì xe, lương nhân viên, và các khoản chi phí khác. Có nhiệm vụ quản lý công nợ phải thu, phải trả và thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chính sách, quy định của Công ty và pháp luật. Thu thập, kiểm tra và lưu trữ các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các giao dịch kinh tế tài chính phát sinh. Lưu giữ và bảo quản các hồ sơ, giấy tờ và các hợp đồng vận chuyển có liên quan. Các hóa đơn, chứng từ kế toán sẽ được kế toán kiểm tra tính hợp lệ và được lưu trữ một cách đầy đủ, khoa học. Việc lưu trữ các chứng từ đóng vai trò rất quan trọng cho quá trình phối hợp với cơ quan Nhà nước trong kiểm tra, thanh tra và quyết toán Thuế. Tính toán và nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải của Công ty, bao gồm thuế GTGT, thuế TNDN cùng với các khoản thuế có liên quan khác. Thực hiện lập các báo cáo nội bộ của Công ty, các báo cáo nghiệp vụ như báo cáo Thuế, tờ khai thuế GTGT theo quý và báo cáo tài chính cuối năm. Hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh cho ban lãnh đạo thông qua việc cung cấp các thông tin tài chính quan trọng.

2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty đang sử dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC;
- Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12;
- Công ty đang sử dụng đơn vị tiền tệ VNĐ trong ghi chép và báo cáo;
- Trong lĩnh vực thuế, Công ty lựa chọn phương pháp khấu trừ khi tính thuế GTGT để hạch toán và kê khai thuế GTGT theo quý;
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho là phương pháp thực tế đích danh;
- Phương pháp khấu hao TSCĐ Công ty đang sử dụng là phương pháp đường thẳng
- Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.

Hình thức sổ kế toán sử dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung, phần mềm kế toán sử dụng là phần mềm Trí Việt.

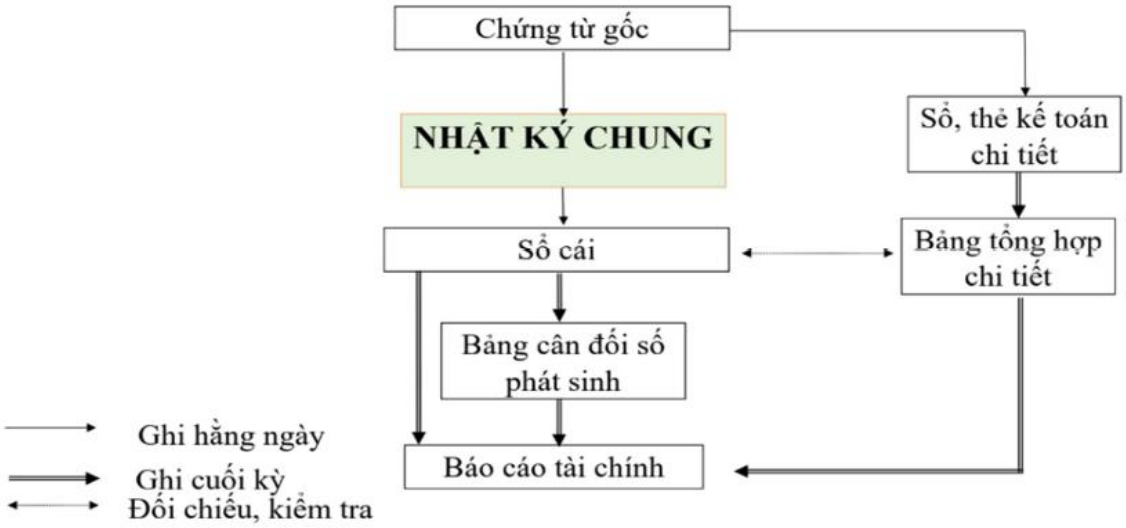

Sơ đồ 14: Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung.

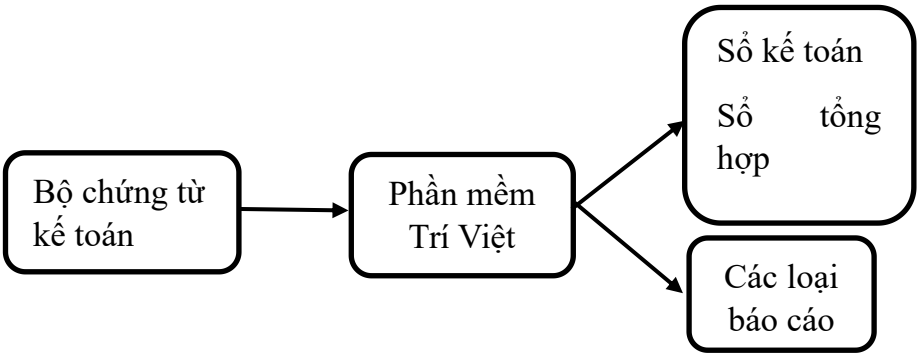

Sơ đồ 15: Sơ đồ ghi sổ trên phần mềm Trí Việt.

❖ Hằng ngày: Khi phát sinh các nghiệp vụ, kế toán sẽ tiến hành tập hợp các chứng từ, hóa đơn và thực hiện kiểm tra trạng thái, tính hợp lý, hợp lệ của từng hóa đơn, chứng từ. Sau đó, thực hiện việc sắp xếp bộ chứng từ theo từng loại của hóa đơn, chứng từ đầu vào, đầu ra. Dựa vào các thông tin có trên hóa đơn, chứng từ, kế toán sẽ tiến hành nhập liệu, phản ánh vào phần mềm Trí Việt theo các phần hành tương ứng. Khi nhập liệu xong, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ có liên quan.

❖ Cuối kỳ: Kế toán thực hiện các bước kết chuyển, khóa sổ, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Về bút toán kết chuyển có thể thực hiện tự động theo phần mềm, tuy nhiên có một số bút toán kết chuyển như lương, giá vốn, thuế và bảo hiểm,... cần được thực hiện thủ công nhằm đảm bảo số liệu mang độ chính xác cao hơn. Cuối kỳ, để lưu trữ chứng từ, kế toán thực hiện in các sổ cùng với các hóa đơn liên quan sắp xếp theo đúng trật tự khung giờ thời gian để thuận tiện cho việc cơ quan Thuế kiểm tra.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Tâm Toàn Đức.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Đặc điểm.

Trong giai đoạn từ những năm 2025 trở về trước, doanh thu của Công ty được hình thành từ nhiều loại hình dịch vụ khác nhau, bao gồm dịch vụ nâng hạ container tại cảng và bãi container, dịch vụ cho thuê bến bãi nhằm phục vụ việc lưu giữ xe qua đêm, cùng với dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng container theo yêu cầu của khách hàng. Các hoạt động này góp phần tạo nguồn doanh thu tương đối đa dạng, trong đó dịch vụ vận chuyển giữ vai trò chủ đạo, còn các dịch vụ nâng hạ container và cho thuê bến bãi đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại của năm 2025, trước sự thay đổi trong định hướng hoạt động kinh doanh, Công ty chỉ còn tập trung cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, do đó doanh thu trong kỳ chủ yếu và duy nhất phát sinh từ hoạt động vận chuyển, trong khi các dịch vụ còn lại không còn mang lại doanh thu cho Công ty.

Doanh thu dịch vụ vận chuyển hàng hóa được hình thành từ việc cung cấp dịch vụ chuyển hàng hóa bằng container đường bộ từ cảng đến các địa điểm giao nhận (nội tỉnh, ngoại tỉnh) theo nhu cầu của khách hàng. Hoạt động vận chuyển sử dụng hai loại container:

- Container 20 feet (tải trọng khoảng 20–24 tấn).
- Container 40 feet (tải trọng khoảng 35–40 tấn).

❖ Đối với các khách hàng "thường xuyên", vào đầu năm Công ty ký kết hợp đồng nguyên tắc nhằm thiết lập khung pháp lý chung cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai bên.Trong năm, khi phát sinh nhu cầu vận chuyển, khách hàng gửi bảng báo giá hoặc yêu cầu dịch vụ cho Công ty. Trên cơ sở đó, Kế toán trưởng tiến hành xem xét và tính toán các chi phí liên quan như chi phí nhiên liệu, phí đường bộ, tiền lương tài xế và chi phí hao mòn tài sản cố định. Nếu mức giá báo phù hợp và đảm bảo bù đắp chi phí, Công ty chấp nhận và thực hiện dịch vụ. Trường hợp mức giá không đảm bảo hiệu quả, Công ty sẽ từ chối cung cấp dịch vụ. Khi công việc hoàn thành, hai bên lập đơn đặt hàng, phụ lục hợp đồng hoặc biên bản giao nhận để làm căn cứ thanh toán và hạch toán kế toán

❖ Đối với khách hàng "không thường xuyên": khi phát sinh nhu cầu vận chuyển, khách hàng liên hệ và gửi bảng báo giá cho Công ty. Sau khi tiếp nhận yêu cầu, Kế toán trưởng tiến hành tính toán các chi phí liên quan để đánh giá hiệu quả của dịch vụ. Nếu mức giá đề xuất cao hơn chi phí và đảm bảo hiệu quả, Công ty sẽ lập và ký kết hợp đồng vận chuyển cho từng lần cung cấp dịch vụ hoặc từng

chuyến vận chuyển cụ thể. Hợp đồng vận chuyển quy định rõ đối tượng vận chuyển, tuyến đường, thời gian thực hiện, đơn giá cước, quyền và nghĩa vụ của các bên, cũng như trách nhiệm bồi thường khi xảy ra mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa, làm căn cứ để Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

TK 511: "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

TK 5113: "Doanh thu cung cấp dịch vụ"

2.2.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Các loại chứng từ kế toán sử dụng:

- Hợp đồng nguyên tắc
- Bảng kê vận chuyển (nếu có)
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu hoặc Giấy báo có,…

❖ *Sổ sách sử dụng*

- Sổ tổng hợp:
  + Nhật ký chung
  + Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 5113

2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty.

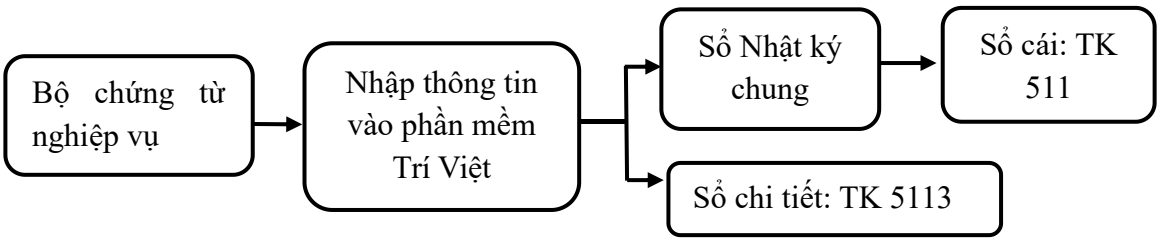

Sơ đồ 16: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán Doanh thu bán hàng và CCDV.

Sau khi chốt hợp đồng vận chuyển đối với khách hàng lẻ hoặc ký hợp đồng nguyên tắc đối với khách hàng thường xuyên, khi phát sinh nhu cầu vận chuyển, khách hàng thông báo và cung cấp các thông tin liên quan đến chuyến hàng. Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng, đơn vị thực hiện dịch vụ vận chuyển và hoàn thành giao hàng theo đúng cam kết.

Sau khi hoàn thành cung cấp dịch vụ, kế toán tiếp nhận bộ chứng từ nghiệp vụ gồm: hợp đồng vận chuyển (hoặc hợp đồng nguyên tắc kèm theo xác nhận từng chuyến), hóa đơn GTGT, phiếu thu (nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt) hoặc giấy báo Có của ngân hàng (nếu thanh toán chuyển khoản). Các chứng từ này được kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và đầy đủ trước khi đưa vào xử lý kế toán.

Tiếp theo, kế toán tiến hành nhập thông tin vào phần mềm kế toán Trí Việt. Cụ thể, kế toán vào phân hệ bán hàng và công nợ phải thu, lựa chọn chức năng "Hóa đơn bán hàng và dịch vụ", nhập đầy đủ các thông tin trên hóa đơn GTGT và lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp (ghi sổ công nợ, tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng). Sau khi nhập liệu, phần mềm tự động tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại và lập chứng từ ghi sổ tương ứng (CTGS N111, N112, N131).

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ, số liệu được tự động cập nhật vào sổ cái các tài khoản liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333, TK 511, đồng thời được ghi nhận vào các sổ chi tiết gồm: 131, 5113. Quy trình này giúp doanh nghiệp theo dõi đầy đủ doanh thu dịch vụ vận tải, tình hình thu tiền và công nợ khách hàng, đảm bảo phục vụ công tác quản lý và đối chiếu số liệu kế toán cuối kỳ.

2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 12/04/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức ký với Công ty Cổ phần Kiểm định và Kỹ thuật xây dựng Hà Nội, Hợp đồng nguyên tắc số: 124/2025/HN-TTĐ. Ngày 22/04/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức cung cấp dịch vụ vận chuyển 1 chuyến cho Công ty Cổ phần Kiểm định và Kỹ thuật xây dựng Hà Nội theo hóa đơn GTGT số 21 với nội dung: Cước vận chuyển tải bê tông từ Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng đến công trình Sơn Trà, Đà Nẵng, với giá chưa thuế là 84.000.000 đồng và tiền thuế GTGT 6.720.000 đồng (thuế 8%), chưa thu tiền khách hàng.

Trước khi nhập liệu vào phần mềm Trí Việt, kế toán thu thập bộ chứng từ bao gồm: Hợp đồng nguyên tắc số: 124/2025/HN-TTĐ *(phụ lục 3)*, và hóa đơn GTGT đầu ra số 21.

Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TTD
Số: 21

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 22 tháng 04 năm 2025

MCCQT: 004CF30A283A1F429D9E49A86F70DBF574

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
Mã số thuế: 0402071843
Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp , Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0943860922
Số tài khoản: 040099130999 Ngân Hàng Sacombank, Chi Nhánh Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG HÀ NỘI
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0101539091
Địa chỉ: Số 36 Nguyên Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Cước vận chuyển tải bê t ông từ Ngũ Hành Sơn, Đ à Nẵng đến công trình S ơn Trà, Đà Nẵng.	Tấn	1.200	70.000	0	8%	84.000.000

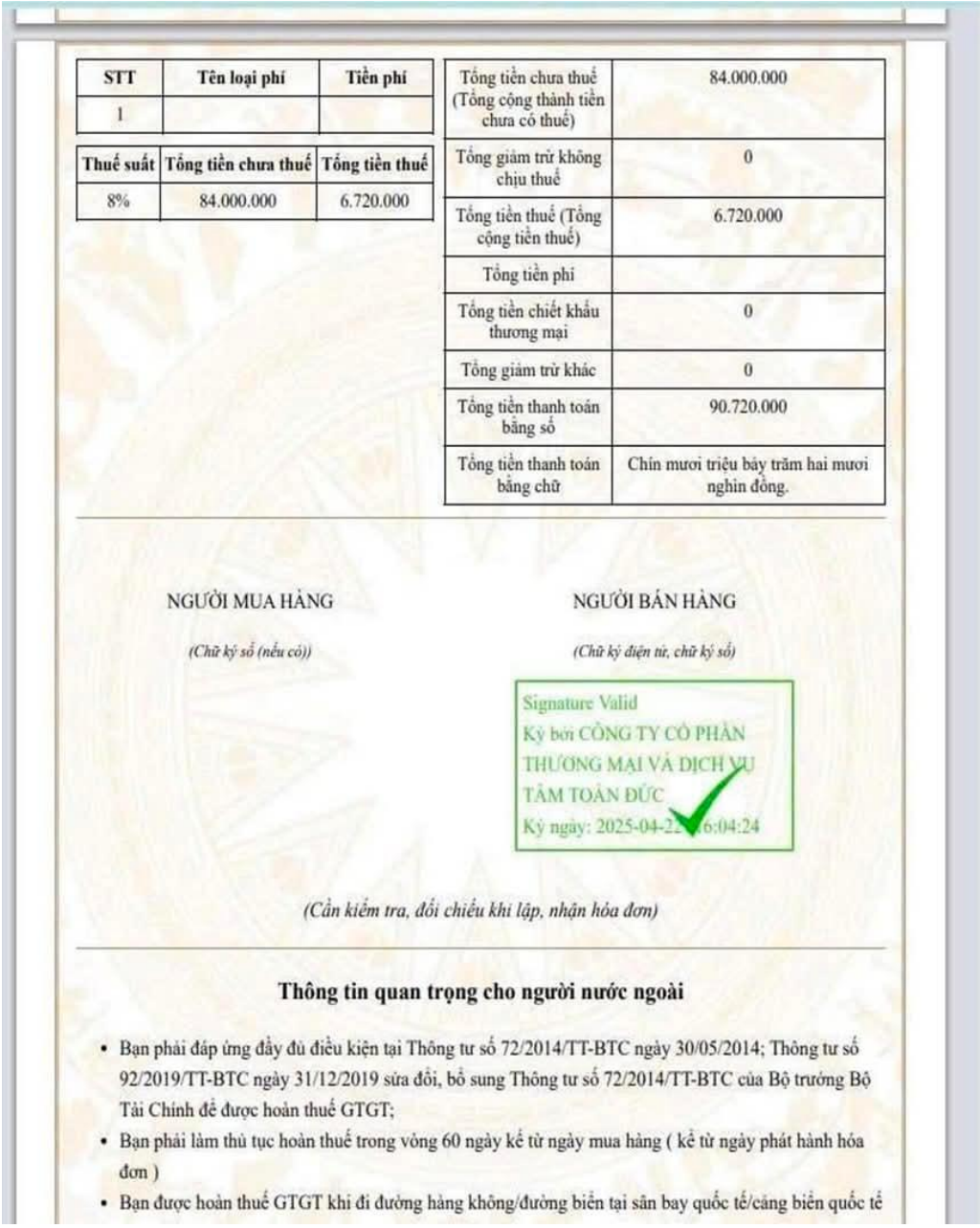

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	84.000.000	6.720.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	84.000.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	0
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	6.720.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	90.720.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
Ký ngày: 2025-04-22 16:04:24

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình ảnh 1: Hóa đơn GTGT đầu ra số 21.

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ nghiệp vụ, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm Trí Việt:

Đầu tiên, vào phân hệ "Kế toán bán hàng và công nợ phải thu", sau đó chọn "Cập nhật số liệu" rồi chọn mục "Hóa đơn bán hàng, dịch vụ". Tiếp theo chọn "thêm" và nhập tất cả các thông tin trên hóa đơn vào hệ thống, do khách hàng chưa thanh toán nên tại mục "Phương thức thanh toán" kế toán sẽ chọn "Ghi sổ công nợ". Kế toán thực hiện ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm như sau:

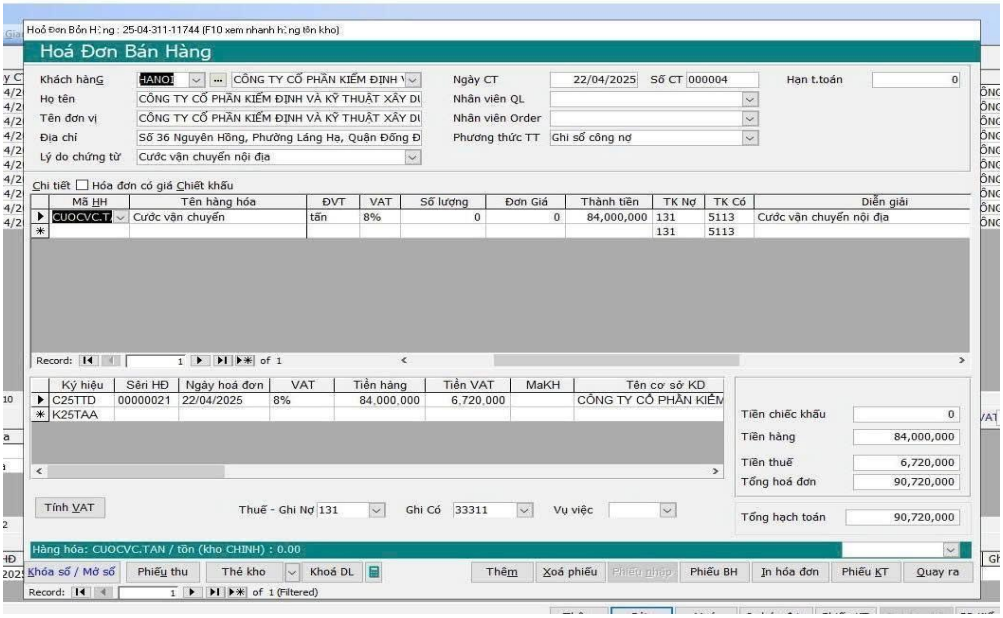

Hình ảnh 2: Màn hình nhập liệu Hóa đơn GTGT 21 trên phần mềm.

Tiếp theo ấn quay ra để số liệu tự động cập nhật lên chứng từ ghi sổ, sổ cái 511 và sổ chi tiết 5113.

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
……..	…..	….	….	…	……..	…...	….
21/04	000071	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	2,049,690
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	186,335	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	1,863,355	0
22/04	000004	22/04	**Cước vận chuyển nội địa**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	90,720,000	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	6,720,000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	0	84,000,000
22/04	000013	22/04	**Chuyển trả tiền thuê tài chính kỳ 7**				
			Tiền gửi NH Vietcombank	X	1121VC	0	62,500,000
			Phải thu khác	X	1388	62,500,000	0
….	….	….	…	….	…	…	….
			TỔNG CỘNG			**97,838,223,468**	**97,838,223,468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 3: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
....	....	....	....	...	...
19/04	000003	Cước vận chuyển nội địa	131	0	63,000,000
22/04	000004	Cước vận chuyển nội địa	131	0	84,000,000
28/04	000005	Cước vận chuyển Tiên Sa - Bình Định	131	0	18,370,000
....	...	.....	.....	....	.....
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	1,318,378,007	0
		Tổng cộng phát sinh		**11,327,258,793**	**11,327,258,793**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**11,327,258,793**	**11,327,258,793**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Hình ảnh 4: Trích sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
....	.....	....	....	.....	....	....	....
19/04	000003	HANOI	CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG HÀ NỘI	Cước vận chuyển nội địa	131	0	63,000,000
22/04	000004	HANOI	CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG HÀ NỘI	Cước vận chuyển nội địa	131	0	84,000,000
28/04	000005	WOODY	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ WOODY TRANS	Cước vận chuyển Tiên Sa - Bình Định	131	0	18,370,000
....	.....	.....	.....	....	....	...	...
31/12	000022	HHP	CÔNG TY TNHH MTV HÀ HIỀN PHƯƠNG	Cước vận chuyển từ Savanakhet - Lao Bảo - Hữu Nghị và ngược lại	131	0	368,000,000
31/12	KC-000002			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	1,318,378,007	0
				Tổng cộng phát sinh		**11,327,258,793**	**11,327,258,793**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**11,327,258,793**	**11,327,258,793**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 5: Trích sổ chi tiết tài khoản 5113

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong năm 2025, công ty không phát sinh kế toán giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.3.1. Đặc điểm.

- Là một trong những doanh thu không đến từ hoạt động kinh doanh chính của công ty, doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị mang tính không thường xuyên và chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

Để sử dụng hạch toán Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức sử dụng TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Sao kê tiền gửi ngân hàng;
- Giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan,…

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ nhật ký chung
  + Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết 515

2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty.

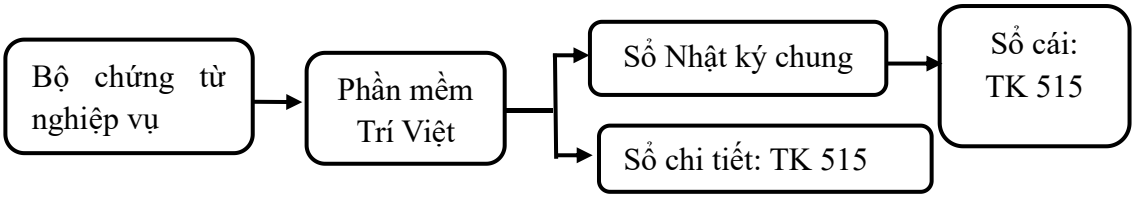

Sơ đồ 17: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

Khi nhận được giấy báo có của ngân hàng về khoản doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng), kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Kế toán vào phân hệ "Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay" để thực hiện hạch toán. Đầu tiên chọn "Cập nhật số liệu", sau đó chọn "Phiếu thu tiền gửi", rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm "Quay ra". Cách khác, để tránh những sai sót thủ công kế toán có thể thực hiện đồng bộ sao kê bằng cách đẩy thông tin từ file excel lên phần mềm để hạch toán như nhập liệu ở phân hệ "Tổng hợp".

2.2.3.5. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 25/02/2025 công ty nhận được một giấy báo có từ ngân hàng Vietcombank về khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn với số tiền lãi 1.749 đồng

Căn cứ vào sổ chi tiết của ngân hàng Vietcombank ngày 25/02/2025 về tiền lãi tiền gửi tháng 2, đồng thời căn cứ vào giấy báo Có về lãi tiền gửi, kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515 như sau:

Vietcombank

SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name:	CT CPTM VA DV TAM	Ngày thực hiện/ Date:	05/03/2025
Số tài khoản/ Account number:	1033217869	Kênh giao dịch/ Trans.Channel:	VCB DigiBiz
Loại tài khoản/ Type of account:	Tài khoản thanh toán	Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/ Number of Joint account holders (if any):	1
Địa chỉ/ Address:	498/3 VO NGUYEN GIAP, P KHUE MY, Q NGU HANH SON, TP DA NANG		
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh: Tax Identification No./Business Registration No:	0402071843		
CIF:	25908158		
Loại tiền/ Currency:	VND		
Từ/ From:	01/01/2025	Đến/ To:	05/03/2025
Số dư đầu kỳ/ Opening	27,115 VND		
(Bằng	Hai mươi bảy nghìn một trăm mười lăm đồng		

STT No.	Ngày[1]/ TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực[2]/ Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
35	25/02/2025 / 5225 - 37574	25/02/2025	31,249,181		55,782	MBBIZ6032561948.037574.CT CPTM VA DV TAM TOAN DUC chuyen tien vay tai chinh BIDV ky 1
36	25/02/2025 / 9703 - 1033217869	25/02/2025		1,749	57,531	INTEREST PAYMENT
37	26/02/2025 / 5136 - 48006	26/02/2025		13,284,000	13,341,531	IBBIZ6032548006.SME TT HD SO 4
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Tổng số/ Total: 98.531
Số dư cuối kỳ/ Closing balanc 0 VND
(Bằng chữ/ Inwords: ....) Không đồng

Ngày[1]: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch
Ngày hiệu lực[2]: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK – Together for the future
****

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

Hình ảnh 6: Trích sao kê ngân hàng Vietcombank

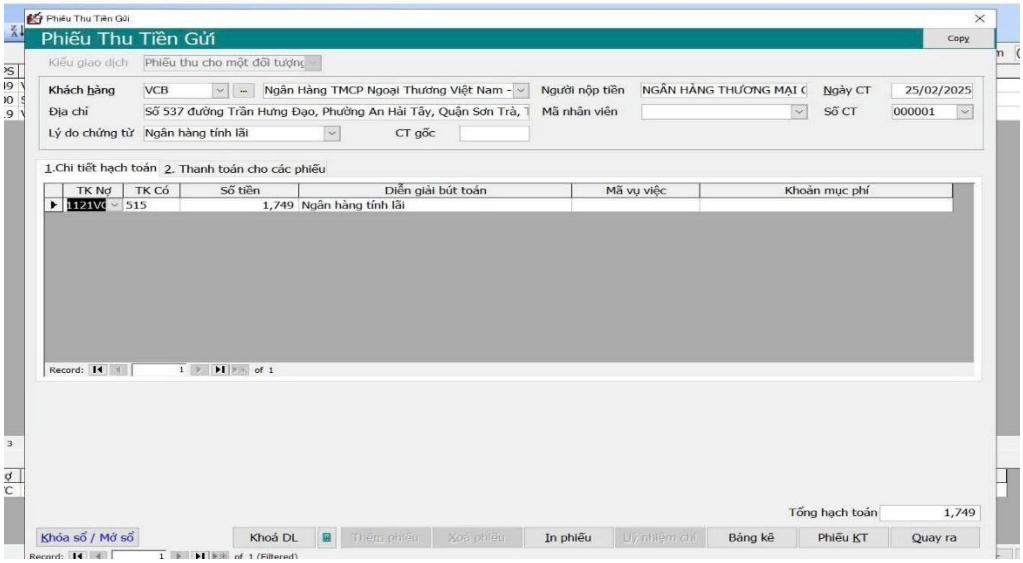

Hình ảnh 7: Giao diện nhập doanh thu hoạt động tài chính

Khi nhập liệu xong, kế toán kiểm tra lại và bấm cất để số liệu tự động cập nhật lên các sổ như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 515.

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	....
24/02	000019	24/02	**Chi tiền thuê dịch vụ kho bãi**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	500,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, d	X	1331	37,036	0
			Chi phí đường bộ và phí khác	X	1545	462,964	0
25/02	000001	25/02	**Ngân hàng tính lãi**				
			Tiền gửi NH Vietcombank	X	1121VC	1,749	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	1,749
25/02	000006	25/02	**Chuyển trả tiền thuê tài chính kỳ 1**				
			Tiền gửi NH Vietcombank	X	1121VC	0	31,249,181
			Phải thu khác	X	1388	31,249,181	0
....	....	.....	....	.....	.....	....	...
			TỔNG CỘNG			**97,838,223,468**	**97,838,223,468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 8: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
..	....	...	...	...	..
31/01	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	14,136	0
25/02	000001	Ngân hàng tính lãi	1121VC	0	1,749
28/02	000003	Ngân hàng tính lãi	1121VP	0	14,119
...	.....	...	...	...	..
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	176,355	0
		Tổng cộng phát sinh		**326,280**	**326,280**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**326,280**	**326,280**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Hình ảnh 9: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/01	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	14,136	0
25/02	000001	VCB	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM ĐÀ NẴNG	Ngân hàng tính lãi	1121VC	0	1,749
28/02	000003	VPBANK	VĂN PHÒNG CÔNG TY	Ngân hàng tính lãi	1121VP	0	14,119
.....	.....	....	....	.....	...	...	....
31/12	KC-000003			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	176,355	0
				Tổng cộng phát sinh		**326,280**	**326,280**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**326,280**	**326,280**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 20

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 10: Trích sổ chi tiết TK 515

2.2.4. Kế toán thu nhập khác.

2.2.4.1. Đặc điểm.

Thu nhập khác không đến từ hoạt động cốt lõi của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức, không phát sinh thường xuyên. Nguồn thu nhập này của đơn vị chủ yếu đến từ chiết khấu thương mại, Thanh lý Sơmi romooc,…..

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 711 " Thu nhập khác"

2.2.4.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có;
- Phiếu thu;
- Chứng từ kế toán;
- Hóa đơn GTGT.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ cái TK 711
  + Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK 711

2.2.4.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty

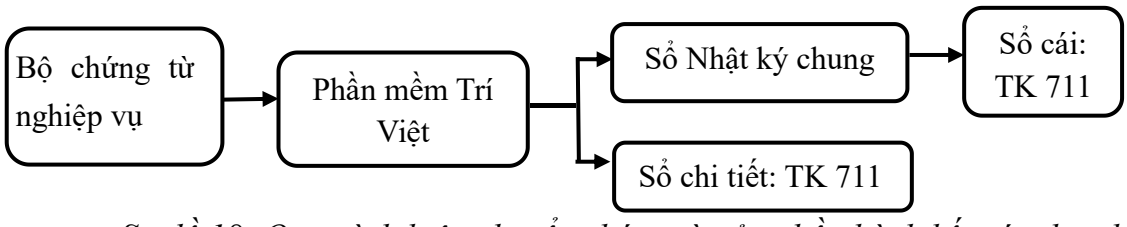

Sơ đồ 18: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán thu nhập khác

Khi phát sinh nghiệp vụ thu nhập khác, kế toán lập hóa đơn GTGT hoặc khi nhận được giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu về khoản thu nhập khác, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm. Đầu tiên, vào phân kế toán mua hàng và công nợ phải trả chọn " Cập nhật số liệu", chọn "Phiếu nhập chi phí mua hàng", kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm "Quay ra".

2.2.4.5. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 13/09/2025, Công ty TNHH Thương mại Xứ Lạng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 22563 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức. Nội dung hóa đơn là mua dầu Diesel 0.05S mức 2 với số lượng 520,832 lít. Tổng tiền hàng trước thuế là 9.167.607 VND, thuế GTGT 8% là 686.727 VND, chiết

khẩu thương mại 583.524 VND. Tổng số tiền thanh toán cuối cùng là 9.270.810 VND.

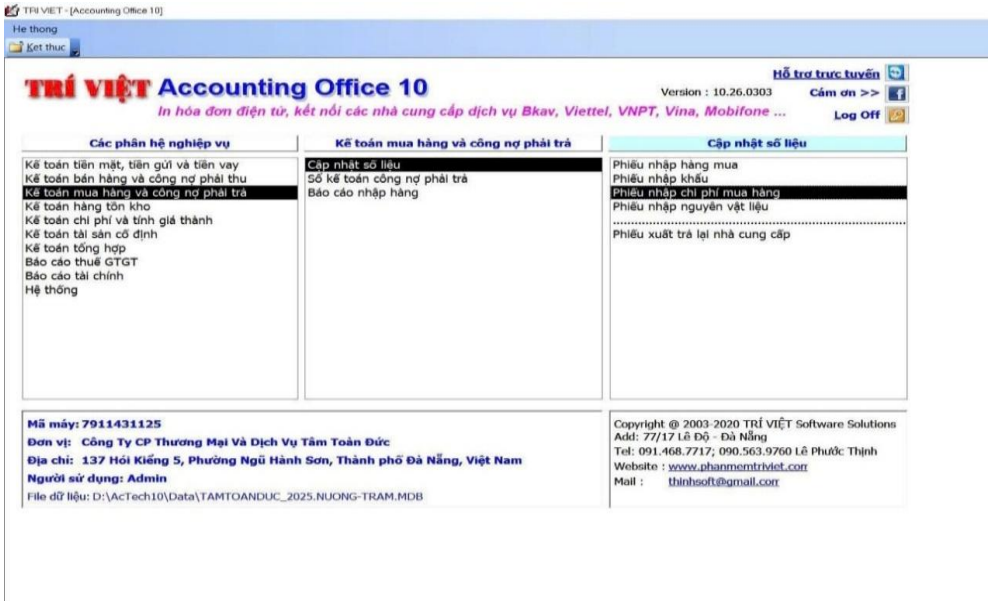

Hình ảnh 11: Giao diện để xem phiếu nhập chi phí mua hàng

Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MXL
Số: 22563

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 13 tháng 09 năm 2025

MCCQT: M1-25-MOL09-00000022563

Tên người bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XỨ LẠNG
Mã số thuế: 4900663198
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: Số 17 Phan Đăng Lưu,Phường Kỳ Lừa,Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Điện thoại: 0773374568
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0402071843
Mã ĐVCQHVNSNN:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Điện thoại:
Căn cước công dân:
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu Điêze n 0.05S M ức 2	Lít	520,832	17.601,852	583.524	8%	9.167.607

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	9.167.607	686.727

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	9.167.607
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	686.727
Tổng tiền chiết khấu thương mại	583.524
Tổng tiền thanh toán bằng số	9.270.810
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm mười đồng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu Điêze n 0.05S M ức 2	Lít	520,832	17.601,852	583.524	8%	9.167.607

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	9.167.607	686.727

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	9.167.607
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	686.727
Tổng tiền chiết khấu thương mại	583.524
Tổng tiền thanh toán bằng số	9.270.810
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm mười đồng.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình ảnh 12: Hóa đơn GTGT số 22563

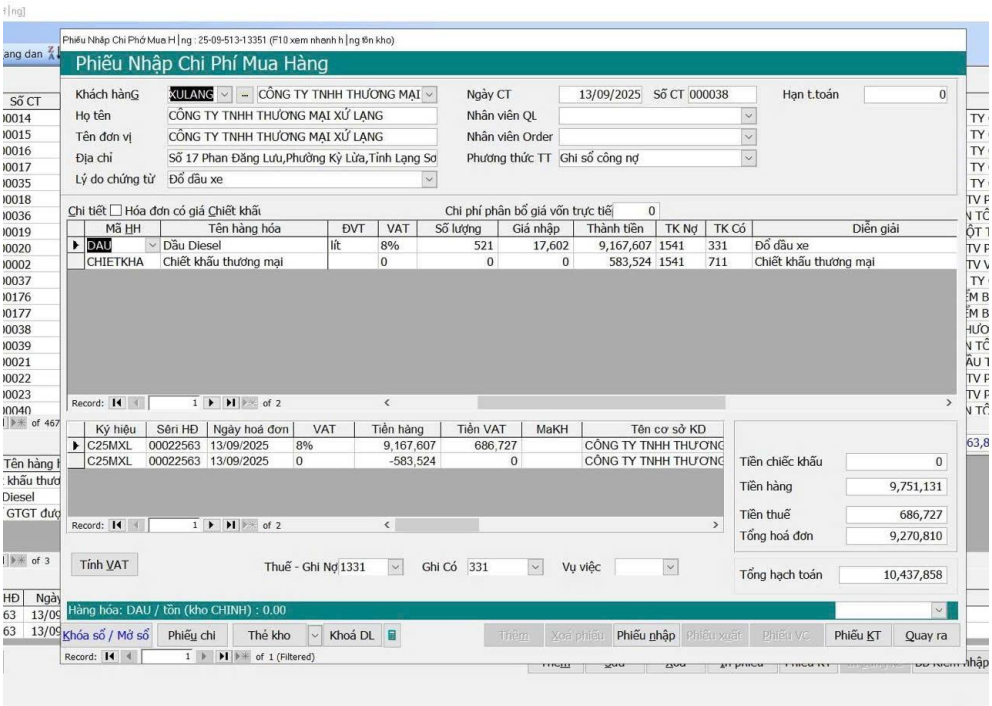

Hành ảnh 13: Giao diện nhập chi phí mua hàng.

Sau khi nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 711, sổ chi tiết TK 711

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Na

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
13/09	000033	13/09	**Chuyển trả tiền thuê tài chính**				
			Tiền gửi NH Sacombank	X	1121SA	0	24.091.620
			Phải thu khác	X	1388	24.091.620	0
13/09	000038	13/09	**Đổ dầu xe**				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	686.727	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	9.751.131	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	9.854.334
			Thu nhập khác	X	711	0	583.524
13/09	000039	13/09	**Đổ dầu xe**				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	562.970	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	7.037.130	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	7.600.100
.....	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
			TỔNG CỘNG			**97.838.223.468**	**97.838.223.468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 14: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
06/01	000001	Thanh lý Sơ Mi Rơ Moóc tải 43R-03390	131	0	34.259.259
31/01	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	34.259.259	0
04/07	000001	Thanh lý xe đầu kéo 43H-043.70	131	0	277.777.778
31/07	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	277.777.778	0
13/09	000038	Chiết khấu thương mại	1541	0	583.524
15/09	000067	Chiết khấu thương mại	1541	0	252.825
15/09	000084	Chiết khấu thương mại	1541	0	195.367
23/09	000006	Thanh lý Sơmi romooc 43R-033.85	131	0	9.259.259
30/09	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	10.290.975	0
		Tổng cộng phát sinh		**322.328.012**	**322.328.012**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**322.328.012**	**322.328.012**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Hình ảnh 15: Sổ cái TK 711

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
.....	....	....	.....	.....	.....	....	.....
31/07	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	277,777,778	0
13/09	000038	XULANG	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XỬ LẠNG	Chiết khấu thương mại	1541	0	583,524
15/09	000067	XULANG	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XỬ LẠNG	Chiết khấu thương mại	1541	0	252,825
.....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
30/09	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	10,290,975	0
				Tổng cộng phát sinh		**322,328,012**	**322,328,012**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**322,328,012**	**322,328,012**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		**Nguyễn Thị Dung**

Hình ảnh 16: Trích sổ chi tiết TK 711

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.5.1. Đặc điểm.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức là một đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ nên đối với kế toán giá vốn hàng bán có những điểm đặc biệt sau:

- Giá vốn của đơn vị chủ yếu đến từ chi phí tiền lương nhân viên và các khoản trích theo lương.
- Các chi phí cuối tháng được tập hợp vào TK 154 rồi kết chuyển vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 154 – Chi phí sản xuất dở dang.

Để theo dõi tất cả các nguồn chi phí xảy ra trong kỳ, kế toán đã chia thành các tài khoản chi tiết:

- TK 1541: Chi phí dầu Diesel
- TK 1542: Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng
- TK 1543: Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC
- TK 1544: Chi phí vé đường bộ và phí khẩu
- TK 1545: Chi phí lương lái xe
- TK 1546: Chi phí vận chuyển thuê xe ngoài
- TK 1547: Chi phí nâng hạ

Cuối mỗi tháng, kết chuyển số tiền TK 154 sang TK 632. Sau đó, tiếp tục kết chuyển số tiền bên Nợ 632 sang Có TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Các chứng sử dụng: Các hóa đơn đầu vào liên quan đến chi phí dầu, sửa chữa, bảo dưỡng và vé đường bộ,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
  + Nhật ký chung
  + Sổ cái TK 632,
- Sổ chi tiết TK 632

2.2.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty.

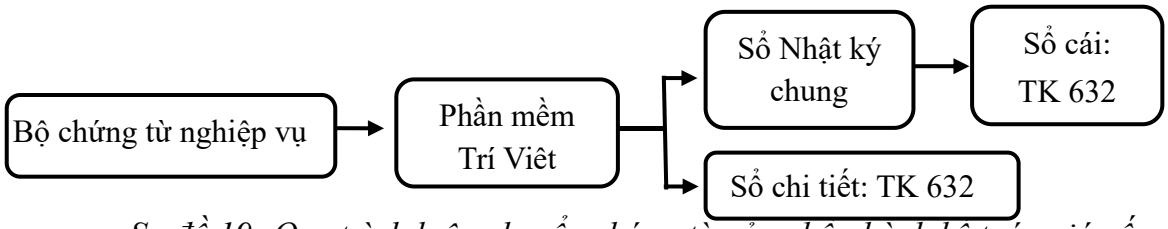

Sơ đồ 19: Quy trình luân chuyển chứng từ của phân hành kế toán giá vốn hàng bán.

Đầu tiên vào phân hệ "Tổng hợp", chọn "chứng từ nghiệp vụ khác", sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm "Cất" để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan.

2.2.5.5. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 30/09/2025, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí từ sổ TK 1541- Chi phí dầu diesel, TK 1542- Chi phí sữa chữa, bảo dưỡng, TK 1543- Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC, TK 1544- Chi phí vé đường bộ, TK 1545- Chi phí lương lái xe, TK 1546- Chi phí vận chuyển thuê xe ngoài. Tổng chi phí là 1.263.863.896 VND, trong đó chi phí dầu diesel là 712.594.116 VND, chi phí sữa chữa, bảo dưỡng là 253.422.000 VND, chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC là 97.193.903 VND, chi phí vé đường bộ là 17.371.296 VND, chi phí lương lái xe là 63.930.729 VND, chi phí vận chuyển thuê xe ngoài là 119.351.852 VND .Khi kế toán nhận được hóa đơn GTGT từ người bán, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm.

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000003

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển chi phí vào giá vốn

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
632		1541		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	712.594.633
632		1542		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	247.040.000
632		1543		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	97.193.903
632		1544		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	17.371.296
632		1545		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	63.930.729
632		1546		Kết chuyển chi phí vào giá vốn	119.351.852
Tổng cộng					1.257.481.896

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Hình ảnh 17: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí vào giá vốn

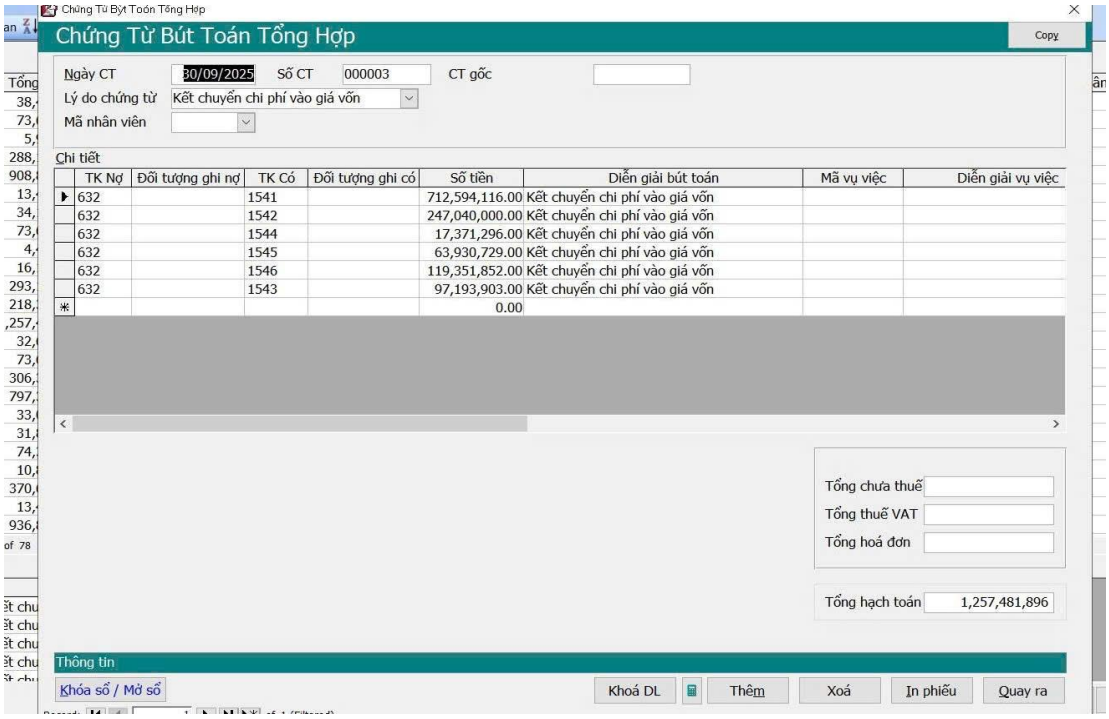

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Copy

Ngày CT 30/09/2025 Số CT 000003 CT gốc

Lý do chứng từ Kết chuyển chi phí vào giá vốn

Mã nhân viên

Chi tiết

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
632		1541		712,594,116.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
632		1542		247,040,000.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
632		1544		17,371,296.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
632		1545		63,930,729.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
632		1546		119,351,852.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
632		1543		97,193,903.00	Kết chuyển chi phí vào giá vốn		
				0.00			

Tổng chưa thuế

Tổng thuế VAT

Tổng hoá đơn

Tổng hạch toán 1,257,481,896

Thông tin

Khóa sổ / Mở sổ | Khoá DL | Thêm | Xoá | In phiếu | Quay ra

Hình ảnh 18: Bút toán kết chuyển TK 154 sang TK 632

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt N

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
30/09	000002	30/09	**Kết chuyển thuế GTGT Q3**				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hó	X	1331	0	218.349.633
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	218.349.633	0
30/09	000003	30/09	**Kết chuyển chi phí vào giá vốn**				
			Chi phí dầu diesel	X	1541	0	712.594.116
			Chi phí lương lái xe	X	1542	0	247.040.000
			Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	X	1543	0	97.193.903
			Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	X	1544	0	17.371.296
			Chi phí đường bộ và phí khác	X	1545	0	63.930.729
			Chi phí vận chuyển thuê ngoài	X	1546	0	119.351.852
			Giá vốn hàng bán	X	632	1.257.481.896	0
30/09	000003	30/09	**Phí dịch vụ ngân hàng**				
			Tiền gửi NH VPbank	X	1121VP	0	165.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hó	X	1331	15.000	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	150.000	0
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			TỔNG CỘNG			**97.838.223.468**	**97.838.223.468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 19: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....	....	.....	.....	....	...
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1544	17.371.296	0
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1545	63.930.729	0
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1543	97.193.903	0
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1546	119.351.852	0
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1542	247.040.000	0
30/09	000003	Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1541	712.594.116	0
30/09	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1.257.481.896
.....	....	.....	....	...	....
		Tổng cộng phát sinh		9.778.771.149	9.778.771.149
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		9.778.771.149	9.778.771.149
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Hình ảnh 20: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
.....	...	.....	.....	.....	....	...	.....
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1544	17.371.296	0
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1545	63.930.729	0
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1543	97.193.903	0
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1546	119.351.852	0
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1542	247.040.000	0
30/09	000003			Kết chuyển chi phí vào giá vốn	1541	712.594.116	0
30/09	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	1.257.481.896
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
				Tổng cộng phát sinh		9.778.771.149	9.778.771.149
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		9.778.771.149	9.778.771.149
				Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 21: Trích sổ chi tiết TK 632

2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

2.2.6.1. Đặc điểm.

Chi phí quản lý kinh doanh tại doanh nghiệp không phát sinh chi phí bán hàng mà chủ yếu là chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Các khoản chi phí này bao gồm: chi phí điện nước, chi phí tiếp khách ăn uống, chi phí mua văn phòng phẩm, phí dịch vụ ngân hàng, phí chuyển tiền, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp cho nhân viên,…

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 642 " Chi phí quản lý kinh doanh"
- Tài khoản 6422 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"

2.2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng;

- Chứng từ kế toán;
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương;
- Bảng tính khấu hao và phân bổ CCDC;

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ nhật ký chung
  + Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 6422

2.2.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty

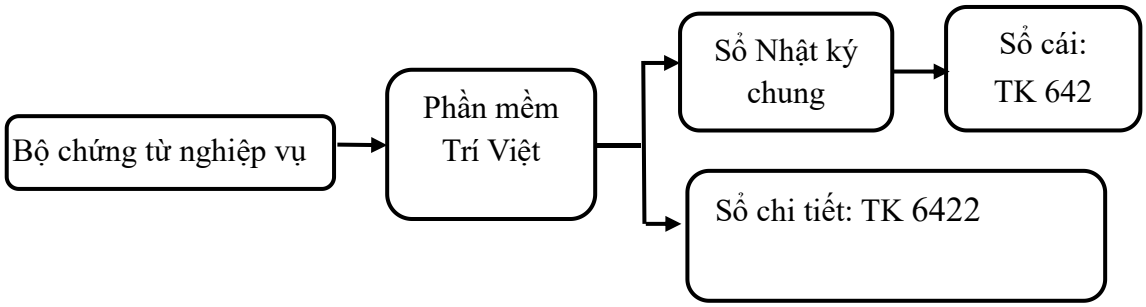

Sơ đồ 20: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí QLKD, kế toán thu thập đầy đủ hóa đơn , chứng từ rồi thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên, vào phân hệ kế toán tổng hợp, chọn "Cập nhật số liệu ", chọn "Phiếu kế toán", kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết sau đó bấm "Quay ra".

2.2.6.5. Nghiệp vụ minh họa.

Từ bộ chứng từ nghiệp vụ tiền lương bao gồm bảng chấm công, bảng lương phát sinh trong tháng 04/2025 đã được giám đốc duyệt. Từ số liệu ở trên bảng lương cho thấy, tổng tiền lương và phụ cấp của nhân viên phát sinh trong tháng 5 của công ty là 287.644.000 VND. Trong đó tổng tiền lương của bộ phận văn phòng là 46.151.000 VND, còn lại lương và phụ cấp của đội xe là 241.493.000 VND

Đầu tiên, kế toán sẽ lựa chọn phiếu kế toán ở trong phân hệ kế toán tổng hợp và thực hiện định khoản bút toán tổng hợp tiền lương phải trả tháng 5/2025 của bộ phận văn phòng và đội xe:

n đơn vị: CÔNG TY CP TM&DV TÂM TOÀN ĐỨC
a chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng
ST: 0402071843

BẢNG CHẤM CÔNG
Tháng 05 năm 2025

5 2025 5/1/2025

Ố TT	Họ và Tên	NGÀY TRONG THÁNG/ THỨ TRONG TUẦN																														Số Công
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
		T.Năm	T.Sáu	T.Bảy	C.Nhật	T.Hai	T.Ba	T.Tư	T.Năm	T.Sáu	T.Bảy	C.Nhật	T.Hai	T.Ba	T.Tư	T.Năm	T.Sáu	T.Bảy	C.Nhật	T.Hai	T.Ba	T.Tư	T.Năm	T.Sáu	T.Bảy	C.Nhật	T.Hai	T.Ba	T.Tư	T.Năm	T.Sáu	T.Bảy	
1	Nguyễn Thị Huyền	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
2	Nguyễn Hồng Hạo	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
3	Trần Thị Mỹ Hạnh	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
	Cộng văn phòng																																
1	Tăng Xuân Thiêm	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
2	Võ Ngọc Đức	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
3	Đặng Văn Hiếu	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x			25.0
4	Đoàn Hữu Chiến	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
5	Nguyễn Minh Hoà	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
6	Trương Văn Minh	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
7	Huỳnh Hùng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
8	Nguyễn Hữu Hùng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
9	Nguyễn Lê Minh Tiến	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
10	Nguyễn Minh Hoàng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26.0
	Cộng lái xe																																

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 5 năm 2025

Người chấm công **Kế toán trưởng**
(Ký tên)

Hình ảnh 22: Bảng chấm công tháng 5

Tên đơn vị: CÔNG TY CP TM&DV TÂM TOÀN ĐỨC
Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng
MST: 0402071843

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 05 năm 2025

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Số ngày công	Lương ngày	Lương tháng		Các khoản hỗ trợ					Các khoản giảm trừ vào lương		Thực Lãnh	Ký tên
						Năng suất	Tổng lương	Ăn trưa	Điện thoại	Trang phục	Công tác phí	Nghề nguy hiểm	BHXH 10.5%	Tạm ứng		
1	Nguyễn Thị Huyền	Thủ quỹ	5,000,000	26	400,000	10,400,000	15,400,000	702,000	500,000	415,000			525,000		16,492,000	
2	Nguyễn Hồng Hạo	Quản lý	4,500,000	26	400,000	10,400,000	14,900,000	702,000	500,000	415,000			472,500		16,044,500	
3	Trần Thị Mỹ Hạnh	Văn phòng	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	500,000	415,000					12,617,000	
	Cộng văn phòng		**14,000,000**	**78**	**1,050,000**	**27,300,000**	**41,300,000**	**2,106,000**	**1,500,000**	**1,245,000**	-	-	**997,500**	-	**45,153,500**	
1	Tăng Xuân Thiêm	Lái xe	5,000,000	26	400,000	10,400,000	15,400,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000	525,000		22,192,000	
2	Võ Ngọc Đức	Lái xe	5,000,000	26	400,000	10,400,000	15,400,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000	525,000		22,192,000	
3	Đặng Văn Hiếu	Lái xe	4,500,000	25	250,000	6,250,000	10,750,000	675,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,000,000	472,500		17,367,500	
4	Đoàn Hữu Chiến	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000	472,500		17,844,500	
5	Nguyễn Minh Hoà	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000	472,500		17,844,500	
6	Trương Văn Minh	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000	472,500		17,844,500	
7	Huỳnh Hùng	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000			18,317,000	
8	Nguyễn Hữu Hùng	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000			18,317,000	
9	Nguyễn Lê Minh Tiến	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000			18,317,000	
10	Nguyễn Minh Hoàng	Lái xe	4,500,000	26	250,000	6,500,000	11,000,000	702,000	1,000,000	415,000	5,000,000	5,200,000			18,317,000	
	Cộng lái xe		**46,000,000**	**259**	**2,800,000**	**72,550,000**	**118,550,000**	**6,993,000**	**10,000,000**	**4,150,000**	**50,000,000**	**51,800,000**	**2,940,000**	-	**188,553,000**	
	Tổng Cộng		**60,000,000**	**337**	**3,850,000**	**99,850,000**	**159,850,000**	**9,099,000**	**11,500,000**	**5,395,000**	**50,000,000**	**51,800,000**	**3,937,500**	-	**233,706,500**	
							287,644,000	**46,151,000**	**241,493,000**							

Người lập **Giám đốc**
NGUYỄN THỊ HUYỀN **NGUYỄN THỊ DUNG**

Hình ảnh 23: bảng thanh toán tiền lương tháng 5

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, kế toán tiền hành ghi nhận nghiệp vụ thanh toán lương và nghiệp vụ hạch toán tiền lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp lên phần mềm kế toán.

Đầu tiên, kế toán sẽ lựa chọn phiếu kế toán ở trong phân hệ kế toán tổng hợp và thực hiện định khoản bút toán tổng hợp tiền lương phải trả tháng 5/2025 của bộ phận văn phòng và đội xe:

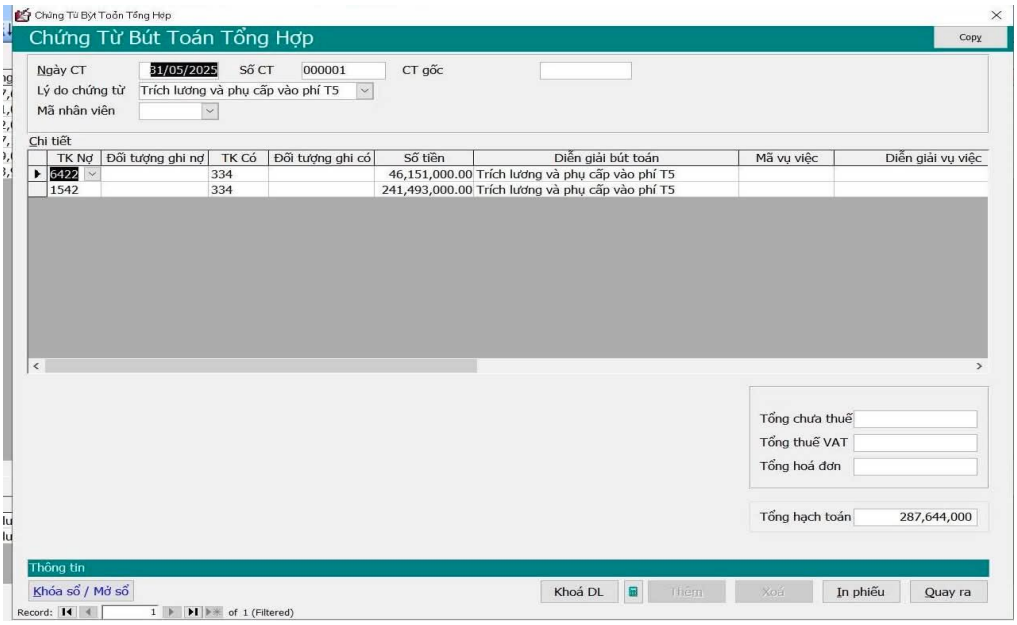

Hình ảnh 24: Giao diện nhập liệu bút toán trích lương tháng 5/2025

Sau khi việc nhập số liệu của các nghiệp vụ kế toán có liên quan đến tiền lương được thực hiện hoàn tất, tiếp đến, phần mềm kế toán sẽ tự động tiến hành kết chuyển dữ liệu.

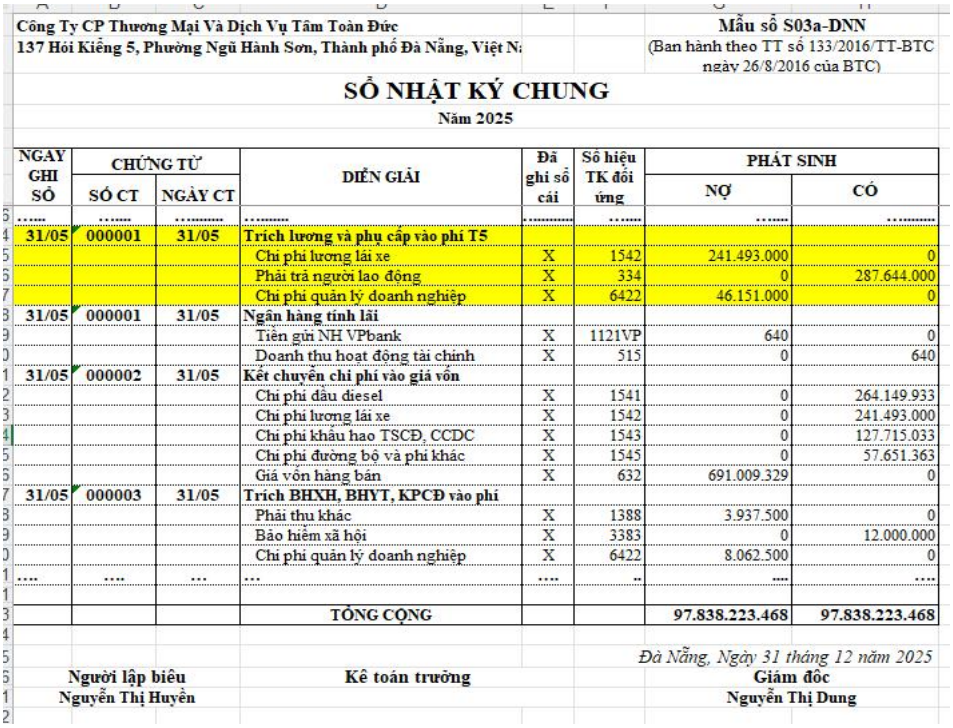

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt N

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/05	000001	31/05	Trích lương và phụ cấp vào phí T5				
			Chi phí lương lái xe	X	1542	241.493.000	0
			Phải trả người lao động	X	334	0	287.644.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	46.151.000	0
31/05	000001	31/05	Ngân hàng tính lãi				
			Tiền gửi NH VPbank	X	1121VP	640	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	640
31/05	000002	31/05	Kết chuyển chi phí vào giá vốn				
			Chi phí dầu diesel	X	1541	0	264.149.933
			Chi phí lương lái xe	X	1542	0	241.493.000
			Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	X	1543	0	127.715.033
			Chi phí đường bộ và phí khác	X	1545	0	57.651.363
			Giá vốn hàng bán	X	632	691.009.329	0
31/05	000003	31/05	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào phí				
			Phải thu khác	X	1388	3.937.500	0
			Bảo hiểm xã hội	X	3383	0	12.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	8.062.500	0
....	....	...	...	....	..	....	....
			TỔNG CỘNG			97.838.223.468	97.838.223.468

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 25: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiễng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đ:

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
…	…	….	…	..	..
30/05	000109	Phí dịch vụ ngân hàng	1111	10,000	0
31/05	000001	Trích lương và phụ cấp vào phí T5	334	46,151,000	0
31/05	000003	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào phí	3383	8,062,500	0
…	…	….	….	…	…
31/12	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	99,836,199
		Tổng cộng phát sinh		**877,118,176**	**877,118,176**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**877,118,176**	**877,118,176**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Hình ảnh 26: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiễng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
….	….	….	….	….	….	….	…..
30/05	000109	SCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn	Phí dịch vụ ngân hàng	1111	10,000	0
31/05	000001			Trích lương và phụ cấp vào phí	334	46,151,000	0
31/05	000003			Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào	3383	8,062,500	0
.....	....	.....	.....	....	...	....	...
31/12	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	99,836,199
				Tổng cộng phát sinh		**877,118,176**	**877,118,176**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**877,118,176**	**877,118,176**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		**Nguyễn Thị Dung**

Hình ảnh 27: Trích sổ chi tiết TK 642

2.6.5. Kế toán chi phí tài chính.

2.6.5.1. Đặc điểm.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu từ lãi trả vay

2.6.5.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.6.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Bảng tính lãi....

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ Nhật ký chung;
  + Sổ cái TK 635;
- Sổ chi tiết: TK 635

2.6.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty

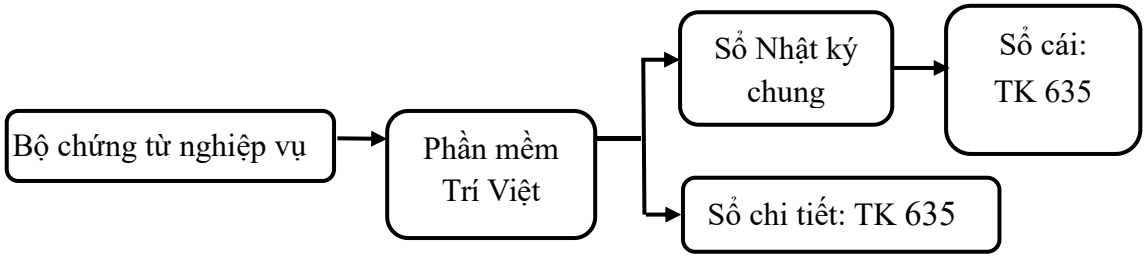

Sơ đồ 21: Quy trình luân chuyển chứng từ phần hành kế toán Chi phí tài chính.

Khi nhận được bộ chứng từ của ngân hàng về khoản doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên vào phân hệ "Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay" chọn " Cập nhật số liệu "chọn "Phiếu chi tiền gửi", rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm "Quay ra".

2.6.5.5. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 03/02/2025, công ty phát sinh nghiệp vụ chi trả lãi vay ngân hàng VPBANK là 7.422.945 VND

SAO KÊ TÀI KHOẢN

Kỳ sao kê: 01/02/2025-28/02/2025

Mã khách hàng: 14962228 — Khách hàng: CONG TY CO
Số tài khoản: 320160855 — Số ĐKKD/CMND: 0402071843
Địa chỉ: 498 3 VO NGUYEN GIAP Phuong Khue My QUAN NGU — Loại tiền gửi: Tài khoản thanh
Ngày mở: 28/03/2024
Hạn mức thấu chi: 0 VND — Chi nhánh mở: VPBANK DA NA
Số dư đầu kỳ: 118,454,930 VND — Số dư cuối kỳ: 71,645,564 VND

Ghi chú: Số dư cuối kỳ = Số dư đầu kỳ (+) Tổng số tiền ghi có (-) Tổng số tiền ghi nợ

STT #	Số bút toán Trans.ID	Ngày giá trị Value Date	Số tiền ghi có Credit Amount	Số tiền ghi nợ Debit Amount	Nội dung giao dịch Trans.Detail	Số dư tham chiếu Running.Balance	Thời gian giao dịch Trans.Time
.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
5	FT25037959207173	06/02/2025	2.500.000	0	NHAN TU 19036197200011 TRACE 934668 ND NGUYEN THI DUNG Nop cong ty FT25037023127672	95,823,652	06/02/2025 12:51
6	LD2427603714	03/02/2025	0	17.708.333	Thanh toan no goc-LD2427603714-CTCP TM VA DV TAM TOAN DUC CTCP TM VA DV TAM TOAN DUC	93,323,652	03/02/2025 20:30
7	LD2427603714	03/02/2025	0	7.422.945	Thanh toan lai-LD2427603714-CTCP TM VA DV TAM TOAN DUC CTCP TM VA DV TAM TOAN DUC	111,031,985	03/02/2025 20:30
	Tổng số tiền/Total		2,500,000	49,323,485			

Số dư cuối kỳ có thể khác với Số dư tham chiếu của giao dịch cuối cùng trong kỳ sao kê:
Số dư cuối kỳ: là số dư cuối kỳ theo ngày hạch toán của hệ thống, bao gồm giao dịch trả lãi cho số dư trên tài khoản đó trong kỳ sao kê (nếu có), tuy nhiên không bao gồm các giao dịch phát sinh sau giờ khóa sổ giao dịch trong ngày của Ngân hàng.

Số dư tham chiếu: là số dư thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch, bao gồm cả các giao dịch phát sinh sau giờ khóa sổ giao dịch trong ngày của Ngân hàng.

Hình ảnh 28: Trích sao kê tài khoản ngân hàng VP BANK

Đầu tiên vào phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi và vay, chọn "Cập nhật số liệu", chọn " Phiếu chi tiền gửi" rồi nhập đầy đủ thông tin diễn giải, ngày chứng từ, ….. và thực hiện hạch toán nghiệp vụ như sau:

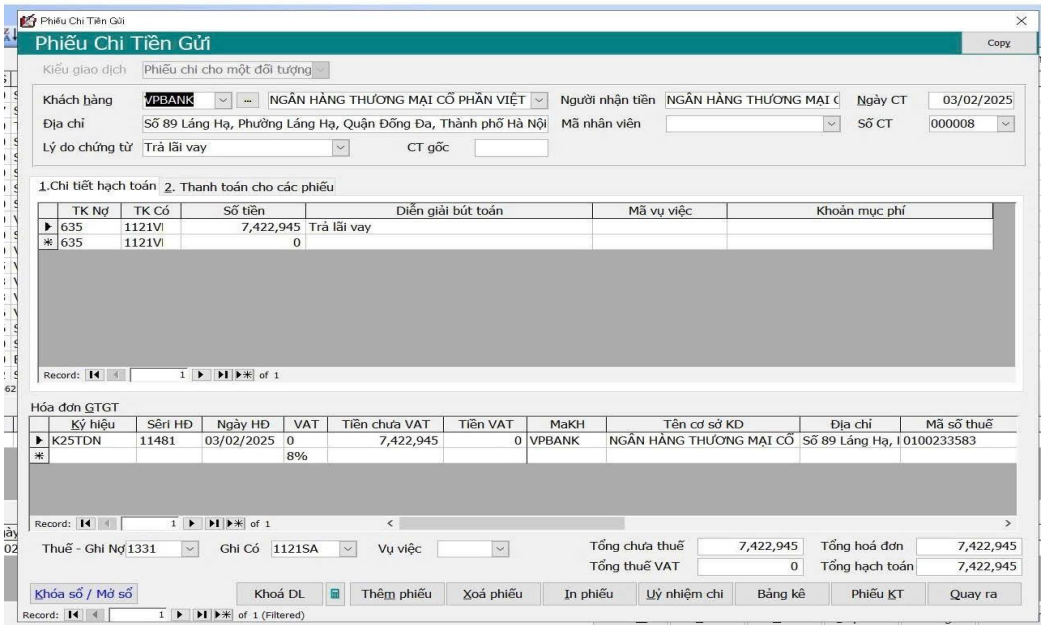

Hình ảnh 28: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt

Khi nhập liệu xong, kế toán kiểm tra lại và bấm cất để số liệu tự động cập nhật lên các sổ như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 635.

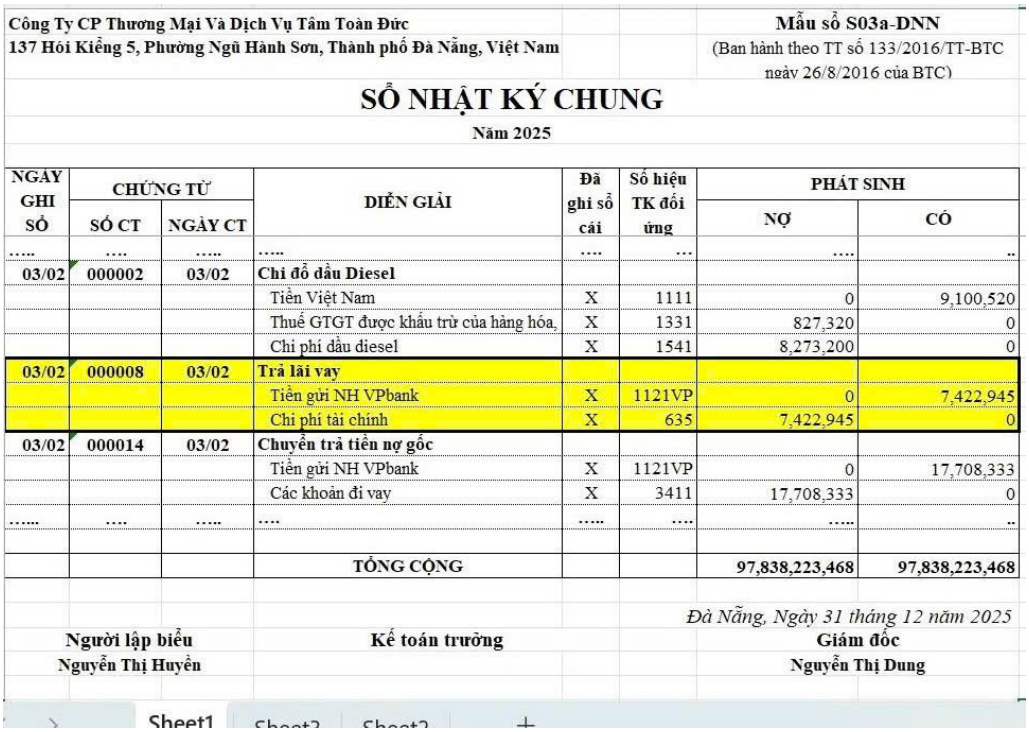

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
…..	….	…..	…..	….	…	….	..
03/02	000002	03/02	**Chi đổ dầu Diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	9,100,520
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa,	X	1331	827,320	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	8,273,200	0
03/02	000008	03/02	**Trả lãi vay**				
			Tiền gửi NH VPbank	X	1121VP	0	7,422,945
			Chi phí tài chính	X	635	7,422,945	0
03/02	000014	03/02	**Chuyển trả tiền nợ gốc**				
			Tiền gửi NH VPbank	X	1121VP	0	17,708,333
			Các khoản đi vay	X	3411	17,708,333	0
…..	….	…..	….	…..	….	…..	..
			TỔNG CỘNG			**97,838,223,468**	**97,838,223,468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 29: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
…	…	..	..	..	..
31/01	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	24,224,788
03/02	000008	Trả lãi vay	1121VP	7,422,945	0
06/02	000009	Ngân hàng tính lãi	1121VP	1,308,013	0
….	…	..	…	..	…
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	33,829,130
		Tổng cộng phát sinh		**385,356,891**	**385,356,891**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**385,356,891**	**385,356,891**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Hình ảnh 30: Trích sổ cái TK 635

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
.....	....	.....	.....	....	...	...	.....
31/01	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	24,224,788
03/02	000008	VPBANK	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN	Trả lãi vay	1121VP	7,422,945	0
06/02	000009	VPBANK	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN	Ngân hàng tính lãi	1121VP	1,308,013	0
.....	....	....	.....	....	....	...	.....
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	33,829,130
				Tổng cộng phát sinh		**385,356,891**	**385,356,891**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**385,356,891**	**385,356,891**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		**Nguyễn Thị Dung**

Hình ảnh 31: Trích sổ chi tiết TK 635

2.6.6. Kế toán chi phí khác.

2.6.6.1. Đặc điểm.

Chi phí khác của công ty đến từ việc bị phạt chậm nộp thuế GTGT, TNCN và và thanh lý TSCĐ.

2.6.6.2. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 811 " Chi phí khác"

2.6.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
  - Giấy nộp tiền và ngân sách nhà nước
  - Biên bản thanh lý TSCĐ;
  - Quyết định xử phạt vi phạm Hợp đồng kinh tế,...
- Sổ sách sử dụng

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ nhật ký chung
  + Sổ cái TK 811
- Sổ chi tiết TK 811

2.6.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty

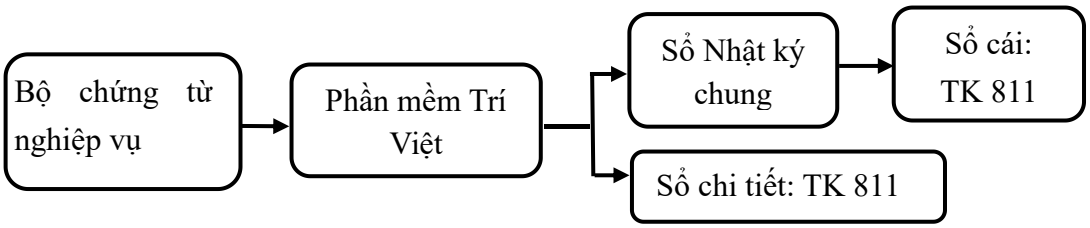

Sơ đồ 22: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán chi phí khác.

Khi phát sinh nghiệp vụ chi phí khác, kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ phát sinh như (Ủy nhiệm chi, biên bản thanh lý TSCĐ, quyết định phạt của cơ quan nhà nước, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước…), sau đó thực hiện nhập liệu vào phần mềm.

Đầu tiên vào phân hệ "Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay" chọn " Cập nhật số liệu "chọn "Phiếu chi tiền gửi", rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm "Quay ra".

2.6.6.5. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm tài chính 2025, Công ty Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức đã phát sinh một số nghiệp vụ khác bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong đó có nghiệp vụ nộp chậm thuế GTGT sau:

Ngày 17/07/2025, do chậm nộp thuế GTGT nên Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức bị phạt tiền chậm nộp. Theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty đã nộp phạt số tiền chậm nộp thuế là 112.295 đồng (Thanh toán thông qua ngân hàng).

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ bao gồm: Quyết định xử phạt từ cơ quan nhà nước, giấy nộp tiền vào NSNN, giấy báo nợ. Kế toán thực hiện kiểm tra tính hợp lý và đúng đắn của chứng từ rồi hạch toán vào phần mềm.

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
Loại tiền: VND [X] USD [ ]
Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: OW2507170704797

Số tham chiếu: 11220250329685542

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC — Mã số thuế: 0402071843
Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp
Quận/Huyện: — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Người nộp thay: — Mã số thuế:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín — trích TK số: 040099130999
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu [ ] TK thu hồi hoàn thuế GTGT [ ]
Vào tài Khoản của KBNN: Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: VCB-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Đà Nẵng
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [ ] Thanh tra tài chính [ ]
Thanh tra Chính phủ [ ] Cơ quan có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Phường Ngũ Hành Sơn - Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng — Mã CQ thu: 1142268

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN	Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi

STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1	7400358634310001	00/CN/2024	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) ;		112.295	755	4918
			Tổng tiền		112.295		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC*
Ngày ký: 16/07/2025 23:23:17.
Ký điện tử bởi: *CỤC THUẾ*
Ngày ký: 16/07/2025 23:22:57.
Ký điện tử bởi: *NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN*
Ngày ký: 16/07/2025 23:24:23.

Hình ảnh 32: Giấy nộp tiền vào NSNN

Đầu tiên, kế toán cũng có thể vào phân hệ "Tiền gửi" để thực hiện hạch toán. Tiếp tới chọn "Thu, chi tiền", sau đó chọn "Chi tiền", chọn "Chi khác" rồi nhập các thông tin cần thiết và hạch toán:

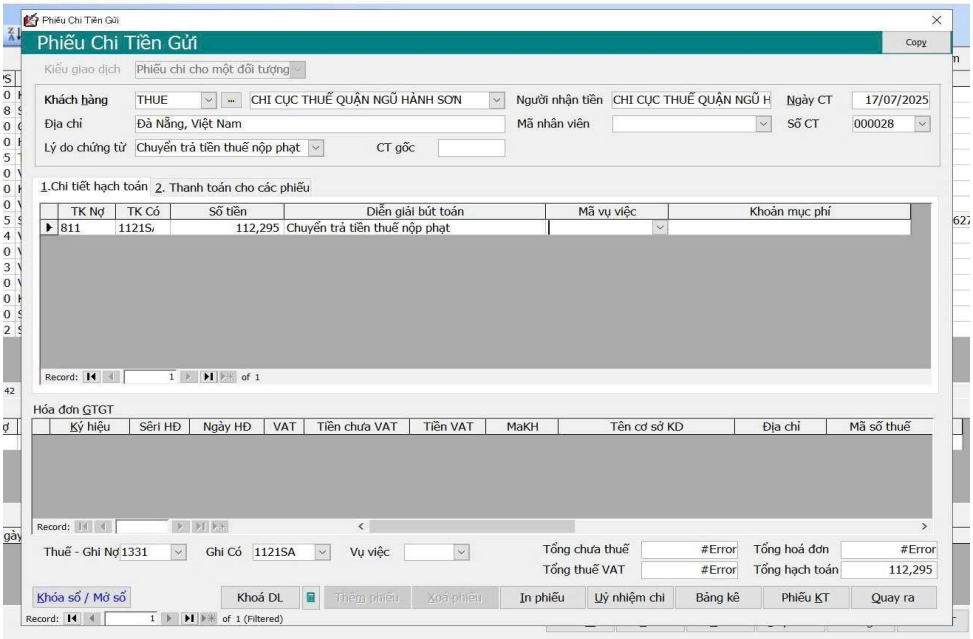

Hình ảnh 33: Giao diện nhập liệu chi phí khác

Sau khi hạch toán xong, bấm "Quay ra " để dữ liệu vừa hạch toán cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 811 và các sổ sách liên quan.

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Na

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....	.....	....	....	...	....	....	.....
17/07	000028	17/07	**Chi đổ dầu Diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	1,542,970
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	114,294	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	1,428,676	0
17/07	000028	17/07	**Chuyển trả tiền thuế nộp phạt**				
			Tiền gửi NH Sacombank	X	1121SA	0	112,295
			Chi phí khác	X	811	112,295	0
17/07	0225705	17/07	**Chi đổ dầu diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	3,600,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	266,666	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	3,333,334	0
....	....	....	.....	...	....	....	.....
			TỔNG CỘNG			**97,838,223,468**	**97,780,693,782**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 34: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức

137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
06/01	000006	Thanh lý TSCĐ 43R03390	2111	39.220.794	0
31/01	KC-000007	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	39.220.794
04/07	000005	Thanh lý TSCĐ 43H04370	2111	462.657.288	0
17/07	000028	Chuyển trả tiền thuế nộp phạt	1121SA	112.295	0
31/07	KC-000007	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	462.769.583
		Tổng cộng phát sinh		**501.990.377**	**501.990.377**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**501.990.377**	**501.990.377**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 35: Sổ Cái TK 811

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
06/01	000006			Thanh lý TSCĐ 43R03390	2111	39,220,794	0
31/01	KC-000007			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXK	911	0	39,220,794
04/07	000005			Thanh lý TSCĐ 43H04370	2111	462,657,288	0
17/07	000028	THUE	CHI CỤC THUẾ QUẬN NGŨ HÀNH SƠ	Chuyển trả tiền thuế nộp phạt	1121SA	112,295	0
31/07	KC-000007			KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXK	911	0	462,769,583
				Tổng cộng phát sinh		**501,990,377**	**501,990,377**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**501,990,377**	**501,990,377**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 35: Sổ chi tiết TK 811

2.6.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.6.7.1. Đặc điểm.

Đối với thuế TNDN, thuế suất trong kỳ tính thuế 2025 được áp dụng mức thuế suất 17% .

2.6.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN hằng năm;
- Các tờ khai thuế tạm nộp;
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế,…..

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ tổng hợp:
  + Sổ nhật ký chung
  + Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết TK 821

2.6.7.3. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty.

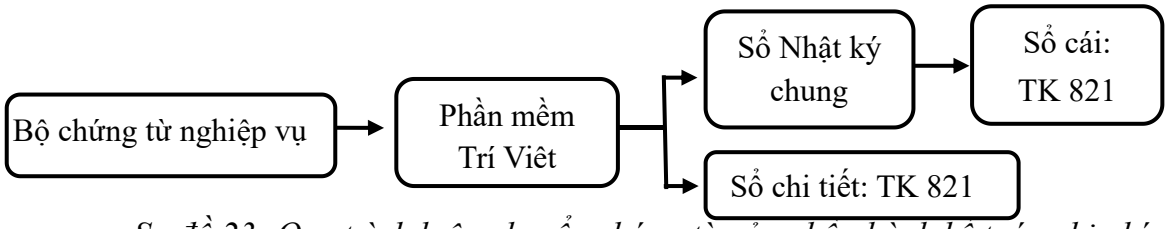

Sơ đồ 23: Quy trình luân chuyển chứng từ của phân hành kế toán chi phí thuế TNDN.

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ (Các tờ khai thuế tạm nộp, quyết toán thuế TNDN năm, thông báo thuế và biên lai nộp thuế…) kế toán xem xét và thực hiện hạch toán kịp thời vào phần mềm.

Đầu tiên vào phân hệ "Tổng hợp", chọn "chứng từ nghiệp vụ khác", sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm "Quay ra" để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan. Đầu tiên vào phân hệ "Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay" chọn " Cập nhật số liệu "chọn "Phiếu chi tiền gửi", rồi nhập các thông tin cần thiết rồi sau đó bấm "Quay ra".

2.6.7.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 31/12/2025 đơn vị xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ và lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế phải nộp kỳ này là: 18.154.094 đồng

Sau khi tính được số thuế phải nộp trong kỳ và lập tờ khai, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán Trí Việt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: H49 - Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải bằng đường ống

[05] Tỷ lệ (%): 90,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC

[07] Mã số thuế: 0402071843

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	106.676.492
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**112.295**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	112.295
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**106.788.787**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	106.788.787
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	106.788.787
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*

1/3

3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	106.788.787
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	106.788.787
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%*	*C7*	*106.788.787*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	18.154.094
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	18.154.094
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**18.154.094**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	18.154.094
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở	G5	0

2/3

	hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ		
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	18.154.094
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**18.154.094**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	18.154.094
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 29 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Thị Dung

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 18.154.094 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

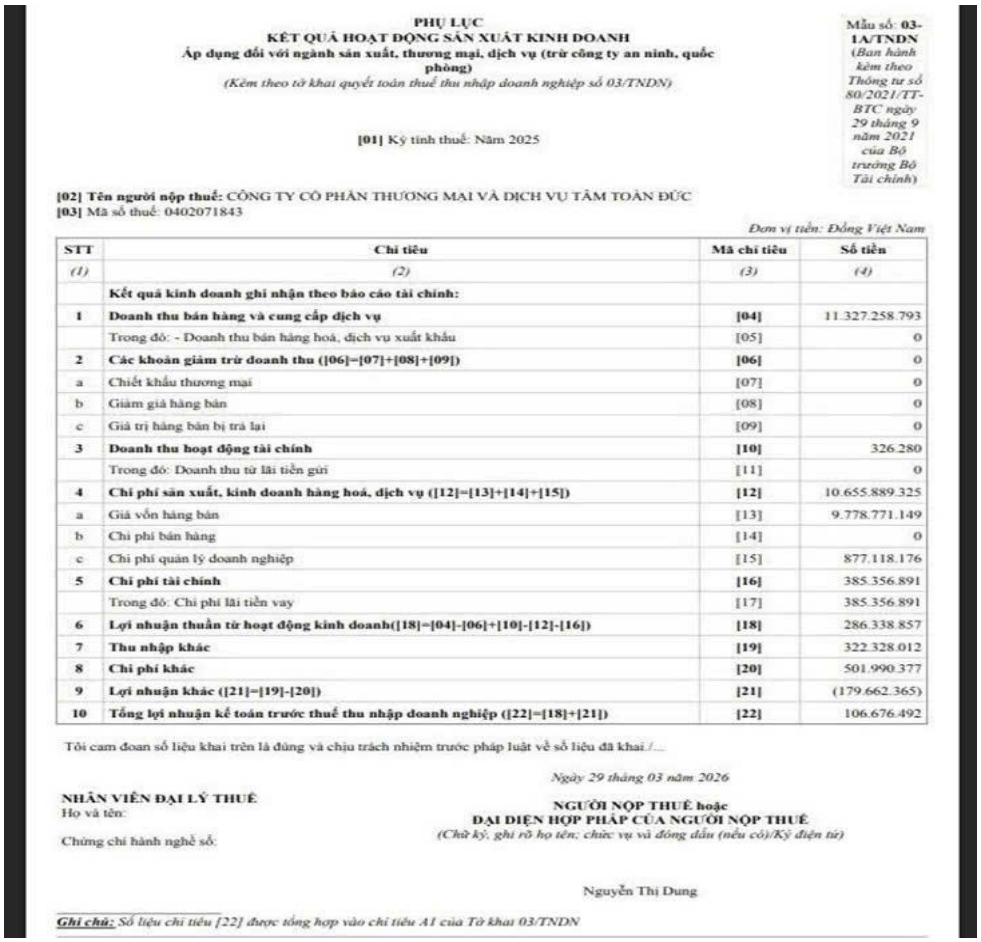

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
[03] Mã số thuế: 0402071843

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	11.327.258.793
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	326.280
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	10.655.889.325
a	Giá vốn hàng bán	[13]	9.778.771.149
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	877.118.176
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	385.356.891
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	385.356.891
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	286.338.857
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	322.328.012
8	**Chi phí khác**	**[20]**	501.990.377
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(179.662.365)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	106.676.492

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày 29 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thị Dung

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Hình ảnh 36: Tờ khai thuế TNDN kỳ tính thuế 2025

Đầu tiên vào phân hệ tổng hợp, chọn " Cập nhật số liệu", chọn " Phiếu kế toán" rồi nhập đầy đủ thông tin diễn giải, ngày chứng từ, …và thực hiện hạch toán nghiệp vụ như sau:

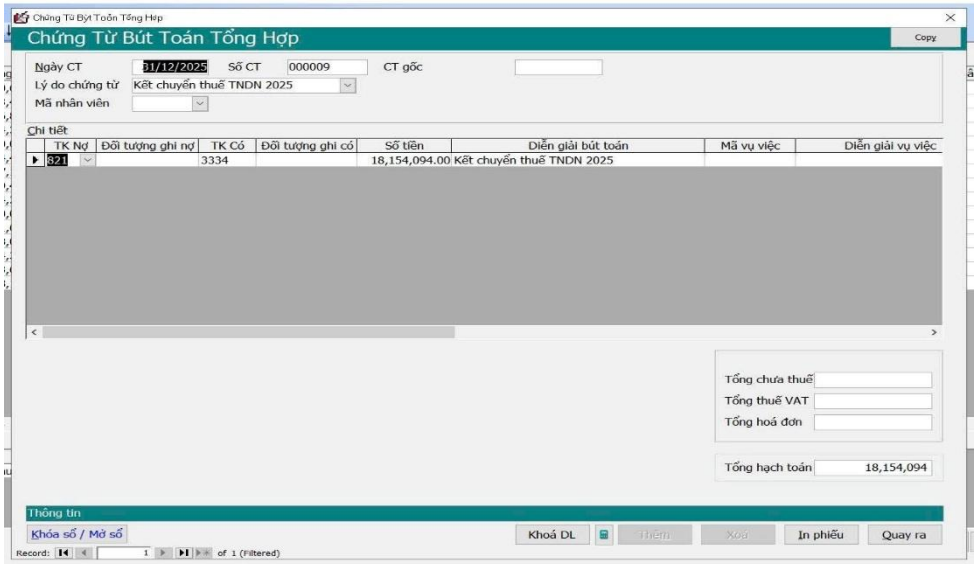

Hình ảnh 37: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt

Khi nhập liệu xong kế toán kiểm tra lại và bấm cất để số liệu tự động cập nhật lên các sổ như sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 821, sổ chi tiết TK 821.

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....	...	....	....	....	....	....	.....
31/12	000008	31/12	**Thu chi hộ BHXH**				
			Phải thu khác	X	1388	0	13.654.355
			Phải trả người lao động	X	334	13.654.355	0
31/12	000009	31/12	**Kết chuyển thuế TNDN 2025**				
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	X	3334	0	18.154.094
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	X	821	18.154.094	0
31/12	000009	31/12	**Thu lại tiền BHXH đã nộp thay NLĐ**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	7.091.855	0
			Phải thu khác	X	1388	0	7.091.855
.....	....	....	....	...	...	....	....
			TỔNG CỘNG			**97.838.223.468**	**97.838.223.468**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 38: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
31/12	000009	Kết chuyển thuế TNDN 2025	3334	18.154.094	0
31/12	KC-000006	KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SX	911	0	18.154.094
		Tổng cộng phát sinh		**18.154.094**	**18.154.094**
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**18.154.094**	**18.154.094**
		Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Hình ảnh 39: Sổ cái TK 821

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
31/12	000009			Kết chuyển thuế TNDN 2025	3334	18.154.094	0
31/12	KC-000006			KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sa	911	0	18.154.094
				Tổng cộng phát sinh		**18.154.094**	**18.154.094**
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		**18.154.094**	**18.154.094**
				Số dư cuối kỳ		**0**	**0**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình ảnh 40: Sổ chi tiết TK 821

2.6.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

2.6.10.1. Đặc điểm.

Cuối kỳ, hàng tháng kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

2.6.10.2. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

2.6.10.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng

Các sổ sách liên quan như sổ cái, chi tiết tài khoản 511, 515, 711, 632, 635, 641, , 711, 811,821…

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 911
- Sổ chi tiết: Tài khoản 911

2.6.10.4. Quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại công ty.

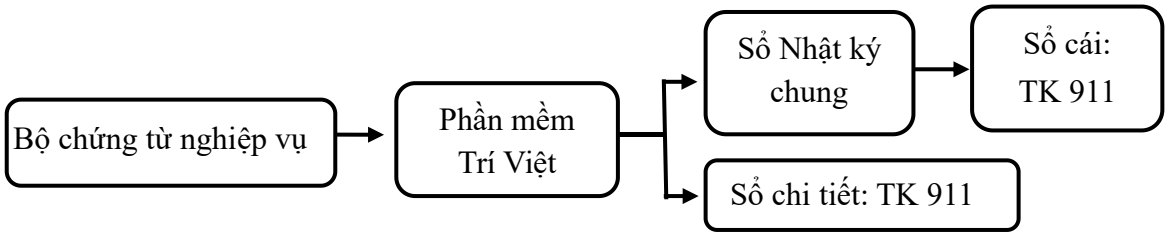

Sơ đồ 24: Quy trình luân chuyển chứng từ của phần hành kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Đầu tiên vào phân hệ "Tổng hợp", chọn "chứng từ nghiệp vụ khác", sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản Nợ/Có và hạch toán vào phần mềm sau đó bấm "Quay ra" để dữ liệu tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan..

2.6.10.5. Nghiệp vụ minh họa.

Cuối kỳ kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Ngày 31/12/2025, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển cuối kỳ. Trong đó tổng số phát sinh trong kỳ bên Có: Doanh Thu gia công là 1.1318.378.007 VND, Doanh thu hoạt động tài chính là 176.355 VND,; tổng số phát sinh bên Nợ: Giá vốn hàng bán là: 1.159.264.625 VND, Chi phí tài chính là 33.829.130 VND, Chi phí vật liệu là 99.836.199 VND, KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là 18.154.094, tháng 12/2025 đơn vị lỗ 57.529.686 VND.

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000001

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển chi phí tài chính sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
911		635		Kết chuyển chi phí tài chính sang KQSXKD	33.829.130
Tổng cộng					33.829.130

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000002

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển doanh thu gia công sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
5113		911		Kết chuyển doanh thu gia công sang KQSXKD	1.381.378.007
Tổng cộng					1.381.378.007

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000003

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển doanh thu tài chính sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
911		515		Kết chuyển doanh thu tài chính sang KQSXKD	176.355
Tổng cộng					176.355

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000004

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển giá vốn sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
911		632		Kết chuyển giá vốn sang KQSXKD	1.224.264.625
Tổng cộng					1.224.264.625

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000005

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển chi phí vật liệu sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
911		6422		Kết chuyển chi phí vật liệu sang KQSXKD	99.836.199
Tổng cộng					99.836.199

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000006

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQSXKD

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
911		821		Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQSXKD	18.154.094
Tổng cộng					18.154.094

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức

Địa chỉ: 137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000007

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Kết chuyển Lãi/Lỗ KDXS (911)

Ghi Nợ	ĐT ghi Nợ	Ghi Có	ĐT ghi Có	Diễn giải	Số tiền
4212		911		Kết chuyển Lãi/Lỗ KDXS (911)	57.529.686
Tổng cộng					57.529.686

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
(Ký,họ tên, đóng giấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Dung		Nguyễn Thị Huyền

Hình ảnh 41: Chứng từ kế toán KC

Đầu tiên vào phân hệ "Tổng hợp", chọn "Cập nhật số liệu",chọn "Bút toán kết chuyển tự động", sau đó kế toán thực hiện nhập liệu đầy đủ các thông tin như diễn giải, ngày chứng từ, số chứng từ, tài khoản và hạch toán vào phần mềm.

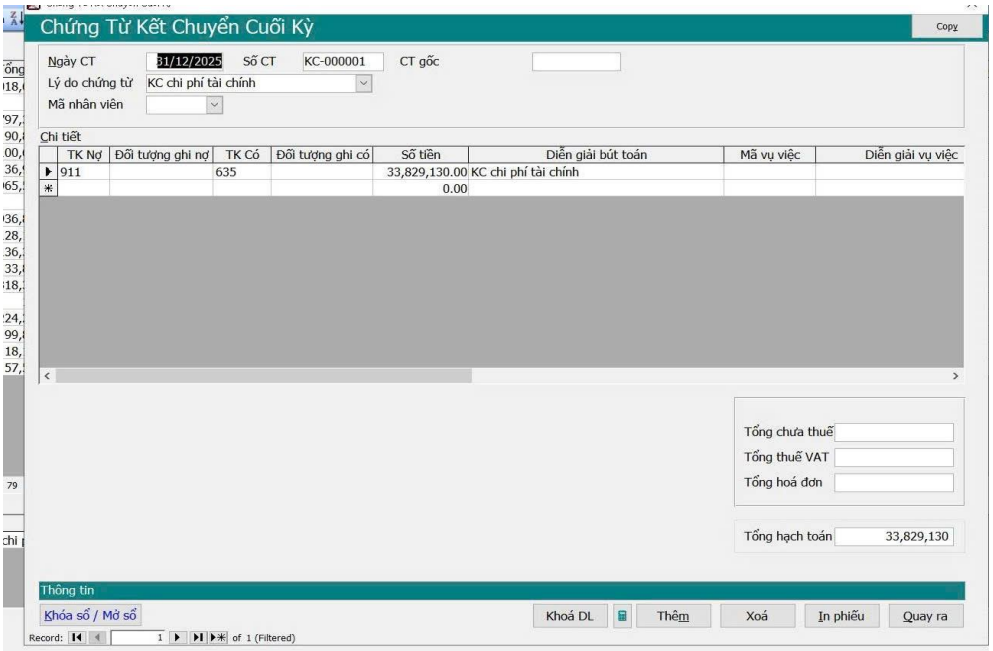

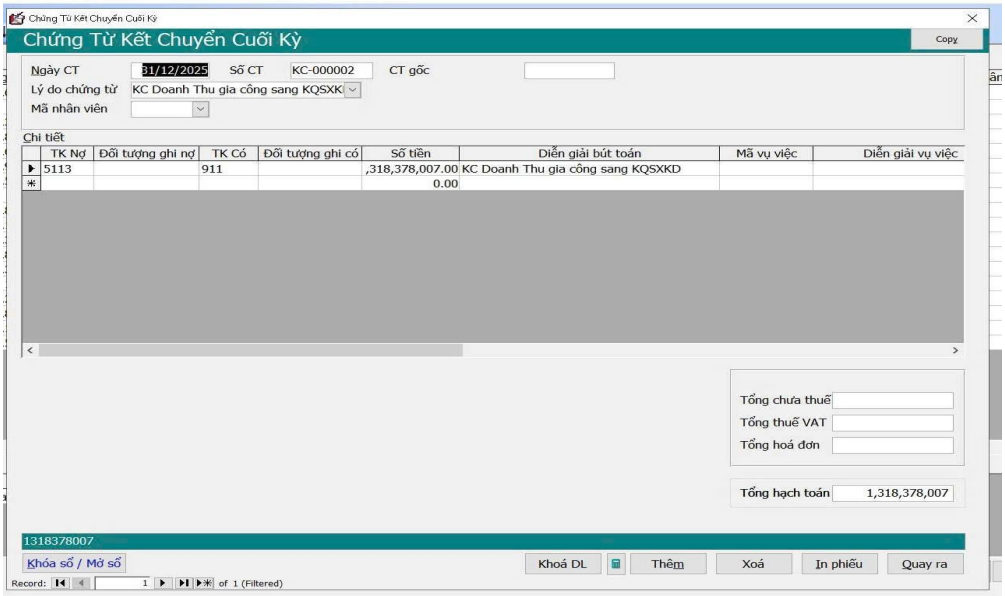
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Copy
Ngày CT 31/12/2025 Số CT KC-000002 CT gốc
Lý do chứng từ KC Doanh Thu gia công sang KQSXK
Mã nhân viên
Chi tiết
TK Nợ | Đối tượng ghi nợ | TK Có | Đối tượng ghi có | Số tiền | Diễn giải bút toán | Mã vụ việc | Diễn giải vụ việc
5113 | 911 | ,318,378,007.00 | KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD
0.00
Tổng chưa thuế
Tổng thuế VAT
Tổng hoá đơn
Tổng hạch toán 1,318,378,007
1318378007
Khóa sổ / Mở sổ
Khoá DL
Thêm
Xoá
In phiếu
Quay ra
Record: 1 of 1 (Filtered)

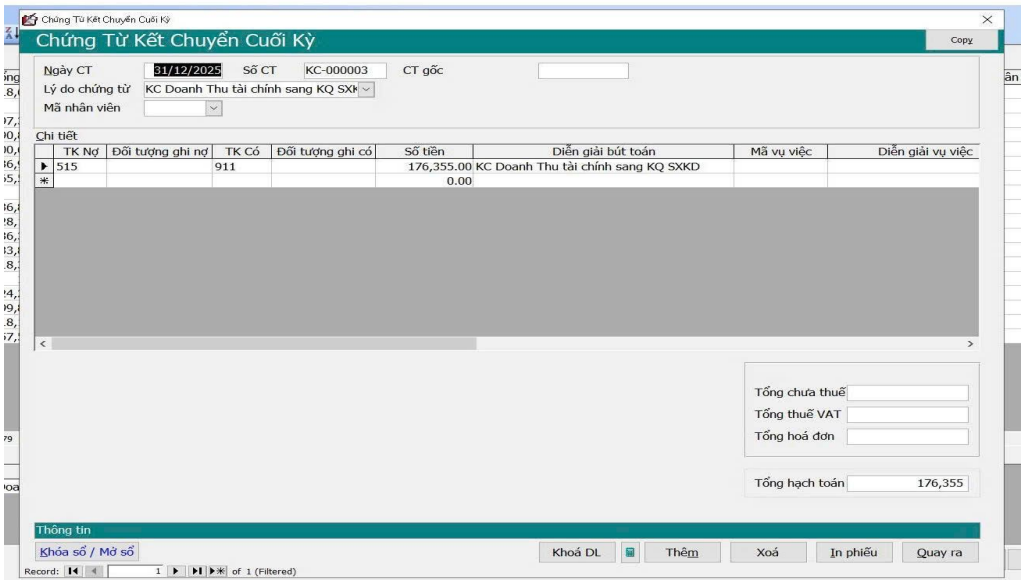
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Copy
Ngày CT 31/12/2025 Số CT KC-000003 CT gốc
Lý do chứng từ KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXK
Mã nhân viên
Chi tiết
TK Nợ | Đối tượng ghi nợ | TK Có | Đối tượng ghi có | Số tiền | Diễn giải bút toán | Mã vụ việc | Diễn giải vụ việc
515 | 911 | 176,355.00 | KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD
0.00
Tổng chưa thuế
Tổng thuế VAT
Tổng hoá đơn
Tổng hạch toán 176,355
Thông tin
Khóa sổ / Mở sổ
Khoá DL
Thêm
Xoá
In phiếu
Quay ra
Record: 1 of 1 (Filtered)

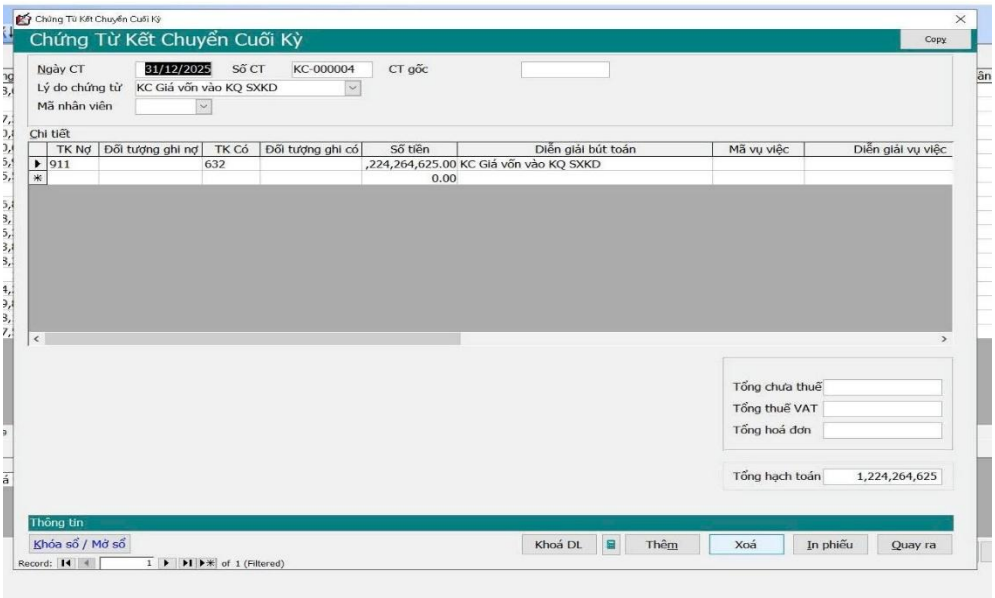
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Copy
Ngày CT 31/12/2025 Số CT KC-000004 CT gốc
Lý do chứng từ KC Giá vốn vào KQ SXKD
Mã nhân viên
Chi tiết
TK Nợ | Đối tượng ghi nợ | TK Có | Đối tượng ghi có | Số tiền | Diễn giải bút toán | Mã vụ việc | Diễn giải vụ việc
911 | 632 | ,224,264,625.00 | KC Giá vốn vào KQ SXKD
0.00
Tổng chưa thuế
Tổng thuế VAT
Tổng hoá đơn
Tổng hạch toán 1,224,264,625
Thông tin
Khóa sổ / Mở sổ
Khoá DL
Thêm
Xoá
In phiếu
Quay ra
Record: 1 of 1 (Filtered)

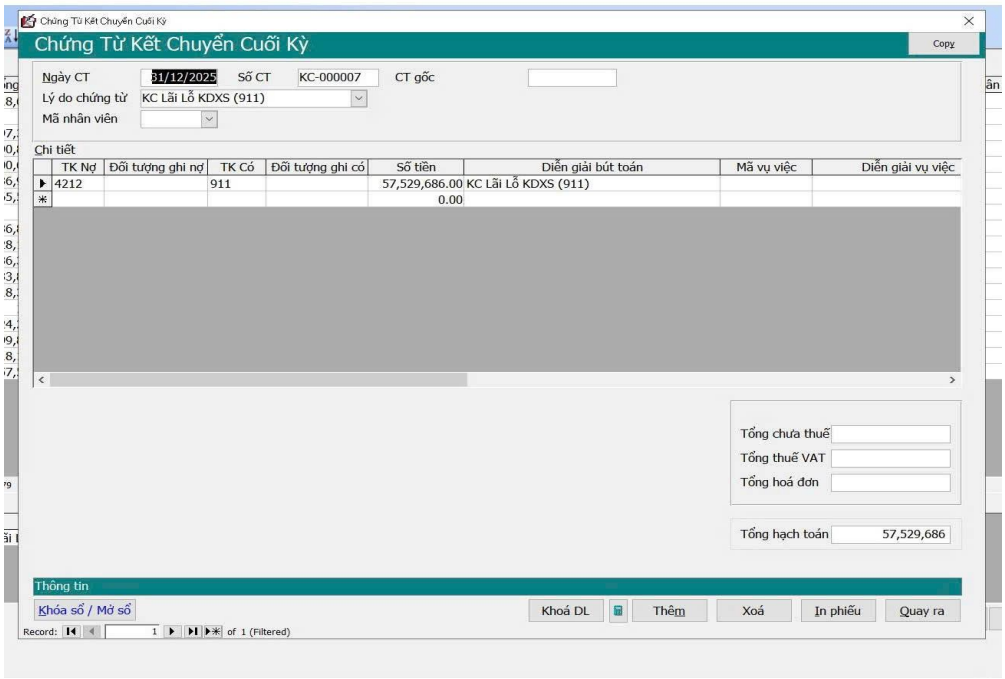
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Copy
Ngày CT 31/12/2025 Số CT KC-000007 CT gốc
Lý do chứng từ KC Lãi Lỗ KDXS (911)
Mã nhân viên
Chi tiết
TK Nợ | Đối tượng ghi nợ | TK Có | Đối tượng ghi có | Số tiền | Diễn giải bút toán | Mã vụ việc | Diễn giải vụ việc
4212 | 911 | 57,529,686.00 | KC Lãi Lỗ KDXS (911)
0.00
Tổng chưa thuế
Tổng thuế VAT
Tổng hoá đơn
Tổng hạch toán 57,529,686
Thông tin
Khóa sổ / Mở sổ
Khoá DL
Thêm
Xoá
In phiếu
Quay ra
Record: 1 of 1 (Filtered)

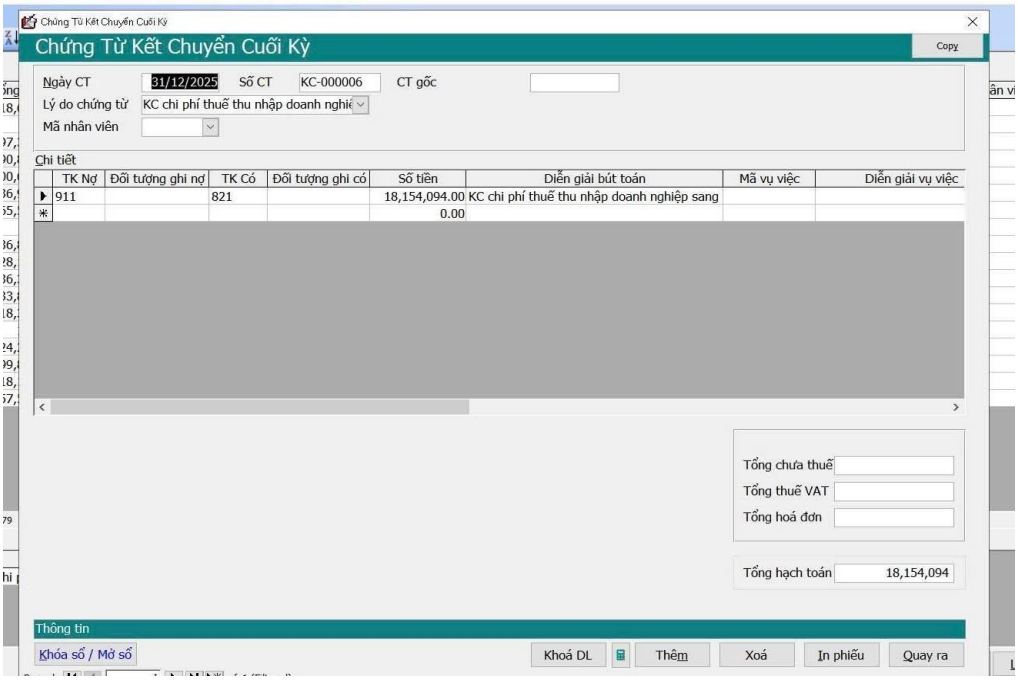
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Chứng Từ Kết Chuyển Cuối Kỳ
Copy
Ngày CT 31/12/2025 Số CT KC-000006 CT gốc
Lý do chứng từ KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệ
Mã nhân viên
Chi tiết
TK Nợ | Đối tượng ghi nợ | TK Có | Đối tượng ghi có | Số tiền | Diễn giải bút toán | Mã vụ việc | Diễn giải vụ việc
911 | 821 | 18,154,094.00 | KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang
0.00
Tổng chưa thuế
Tổng thuế VAT
Tổng hoá đơn
Tổng hạch toán 18,154,094
Thông tin
Khóa sổ / Mở sổ
Khoá DL
Thêm
Xoá
In phiếu
Quay ra

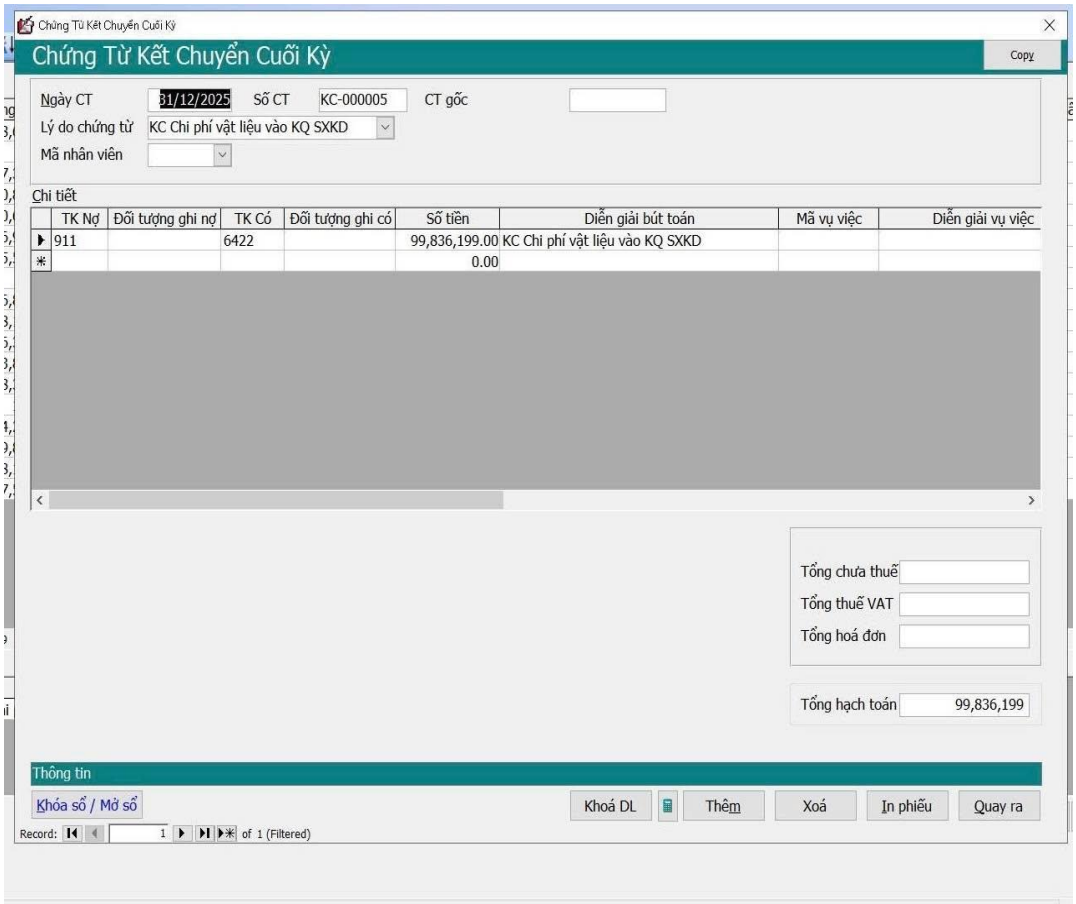

Hình ảnh 42: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt

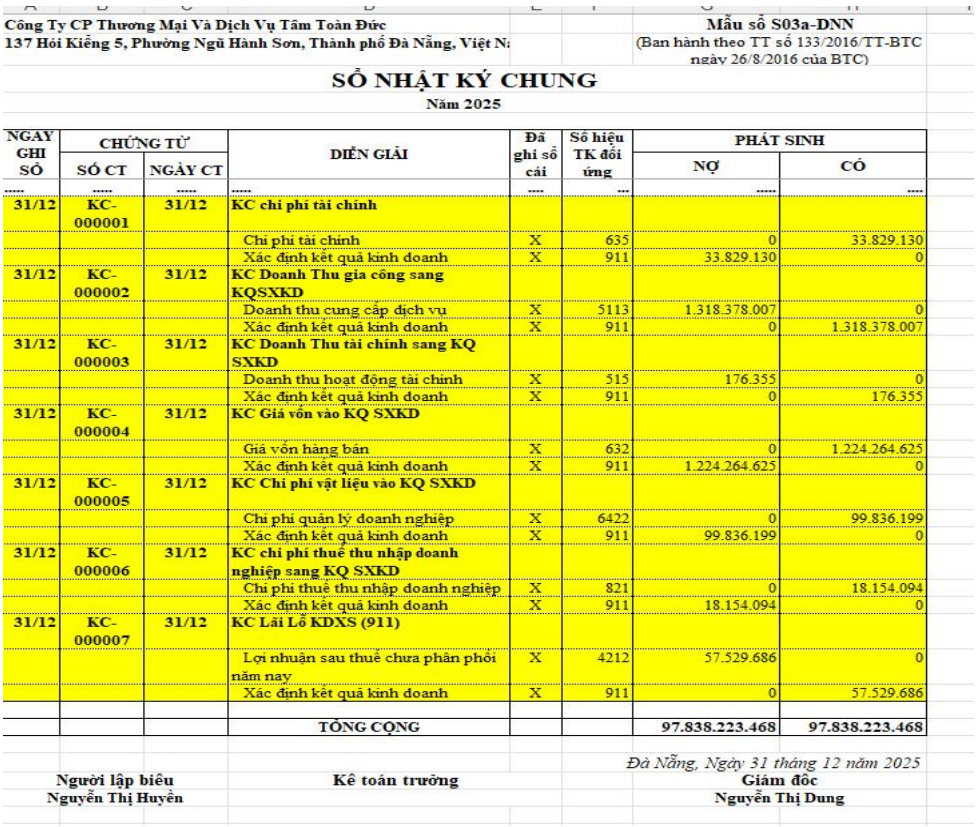

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiếng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt N

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
31/12	KC-000001	31/12	KC chi phí tài chính				
			Chi phí tài chính	X	635	0	33.829.130
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	33.829.130	0
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	1.318.378.007	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1.318.378.007
31/12	KC-000003	31/12	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	176.355	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	176.355
31/12	KC-000004	31/12	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	1.224.264.625
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	1.224.264.625	0
31/12	KC-000005	31/12	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	99.836.199
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	99.836.199	0
31/12	KC-000006	31/12	KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SXKD				
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	X	821	0	18.154.094
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	18.154.094	0
31/12	KC-000007	31/12	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	57.529.686	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	57.529.686
			TỔNG CỘNG			97.838.223.468	97.838.223.468

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu — Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng
Giám đốc — Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 43: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Na

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
....	....	....	....	...	....
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	33.829.130	0
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.318.378.007
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	176.355
31/12	KC-000004	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	124.669.070	0
31/12	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	99.836.199	0
31/12	KC-000006	KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SXKD	821	18.154.094	0
31/12	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212		57.529.686
		Tổng cộng phát sinh		12.450.251.498	12.450.251.498
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		12.450.251.498	12.450.251.498
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....*Ngày.....tháng.....năm.....*
kế toán trưởng

Hình ảnh 44: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
....	...	...	....	...	.....	....	....
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	33.829.130	0
31/12	KC-000002			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.318.378.007
31/12	KC-000003			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	176.355
31/12	KC-000004			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	124.669.070	0
31/12	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	99.836.199	0
31/12	KC-000006			KC chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQ SXKD	821	18.154.094	0
31/12	KC-000007			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212		57.529.686
				Tổng cộng phát sinh		12.450.251.498	12.450.251.498
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		12.450.251.498	12.450.251.498
				Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình ảnh 45: Trích sổ chi tiết TK 911

Đơn vị: Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
Địa chỉ: 137 Hói Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số B 02-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính : Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỲ NÀY	KỲ TRƯỚC	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM
A	B	C	1	2	3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	11,327,258,793	3,936,521,497	11,327,258,793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**11,327,258,793**	**3,936,521,497**	**11,327,258,793**
4. Giá vốn hàng bán	11		9,778,771,149	2,922,727,644	9,778,771,149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1,548,487,644**	**1,013,793,853**	**1,548,487,644**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		326,280	98,022	326,280
7. Chi phí tài chính	22		385,356,891	160,770,343	385,356,891
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		385,356,891	160,770,343	385,356,891
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		877,118,176	560,652,692	877,118,176
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**286,338,857**	**292,468,840**	**286,338,857**
10. Thu nhập khác	31		322,328,012	459,284,091	322,328,012
11. Chi phí khác	32		501,990,377	707,939,465	501,990,377
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(179,662,365)**	**(248,655,374)**	**(179,662,365)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**	**IV.09**	**106,676,492**	**43,813,466**	**106,676,492**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		18,154,094	8,828,252	18,154,094
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**88,522,398**	**34,985,214**	**88,522,398**

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
		Nguyễn Thị Dung

Hình ảnh 46: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC.

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

Nhìn chung công tác hạch toán kế toán của Công ty đã đảm bảo áp dụng đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC 26/08/2016, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh.

a. Về tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Công tác phân công kế toán của công ty được thực hiện khoa học, trách nhiệm mỗi thành viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu, công tác ghi chép nhiệm vụ rõ ràng, chính xác, kịp thời. Mỗi nhân viên chỉ được đăng nhập vào hệ thống thuộc phần hành của mình phụ trách và chịu trách nhiệm về công việc của mình, từ đó có thể dễ phát hiện sai sót và kịp thời chỉnh sửa sai sót, nhầm lẫn. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hóa, giá cả hàng hóa và xu hướng hàng hóa trên thị trường. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc.

b. Về công tác hạch toán, hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Về cơ bản, công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo Thông tư 133/2016/TT - BTC do Bộ Tài chính ban hành. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kiểm tra, ghi chép đầy đủ, chính xác và có chứng từ hợp lệ làm căn cứ cho việc lập Báo cáo tài chính cũng như cung cấp thông tin khi cần thiết.. Kế toán luôn tuân thủ các quy định chuẩn mực kế toán cũng như luật thuế, luôn cập nhật nhanh những chính sách và hay đổi mới về công tác kế toán theo quy định của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán. Kế toán đã mở các tài khoản cấp 2 để thuận tiện cho việc ghi chép rõ ràng các chi phí, làm tăng tính thuyết phục của

thông tin kế toán. Kế toán tại công ty đã sử dụng cả số tổng hợp và sổ chi tiết để theo dõi từng mặt hàng cụ thể, quá trình nhập xuất tồn được thể hiện rõ ràng.

c. Về phần mềm kế toán

Hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm Trí Việt được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này phù hợp với điều kiện của công ty, đã khai thác khả năng về chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán, giúp cho công việc kế toán được thực hiện một cách khoa học, chính xác và giảm khối lượng công việc cho kế toán. Việc ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán đã đem lại những lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh trên các hóa đơn, chứng từ phù hợp về cả số lượng, nguyên tắc ghi chép cũng như yêu cầu của công tác quản lý chứng từ. Các nhân viên kế toán chỉ cần nhập số liệu vào phần mềm và chương trình sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan, giúp làm bớt sai sót, khối lượng công việc cho kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng và kịp thời tình hình tài chính của công ty. Điều này còn giúp quá trình vào sổ sách lập báo cáo được liên tục, đầy đủ, nhanh chóng và hạn chế sai sót.

d. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Về cơ bản, công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức vẫn còn tồn tại một số hạn chế gắn liền với đặc điểm hoạt động vận tải container của công ty.

a. Về tổng quan:

- Trong bộ máy kế toán, một số nhân viên còn kiêm nhiệm nhiều công việc như kế toán kiêm thủ quỹ, dẫn đến khối lượng công việc lớn và chưa đảm bảo

nguyên tắc phân chia trách nhiệm trong công tác kế toán. Điều này có thể làm giảm tính kiểm soát đối với các khoản thu – chi tiền mặt và dễ xảy ra sai sót trong quá trình xử lý chứng từ.

b. Về công tác kế toán:

b1. Tên diễn giải kết chuyển doanh thu còn chưa phù hợp với bản chất hoạt động dịch vụ của công ty, gây khó khăn trong việc theo dõi và đối chiếu số liệu kế toán.

Ví dụ:

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiễng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	1,318,378,007	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,318,378,007
			TỔNG CỘNG			97,838,223,468	97,838,223,468

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Huyền		Nguyễn Thị Dung

b2. Nội dung diễn giải trên phần mềm kế toán Trí Việt ở một số nghiệp vụ còn đơn giản, chủ yếu ghi ngắn gọn như "cước vận chuyển nội bộ", "cước vận chuyển". Điều này gây khó khăn khi kiểm tra, đối chiếu lại chứng từ hoặc tra cứu nghiệp vụ phát sinh của từng chuyến xe.

Ví dụ:

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
22/04	000004	Cước vận chuyển nội địa	131	0	84.000.000
28/04	000005	Cước vận chuyển Tiên Sa - Bình Định	131	0	18.370.000
30/04	000006	Cước vận chuyển Tiên Sa - Phú Yên, Quảng Ngãi, (	131	0	75.000.000
30/04	000007	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam, Huế, Quản	131	0	155.299.092
30/04	000008	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam,Huế	131	0	181.390.000

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

b3. Chưa có sự update công nghệ vào công việc, tất cả việc hạch toán vào phần mềm đều hạch toán thủ công, dẫn đến có sự sai sót và làm mất thời gian cho việc sửa lỗi.

b4. Việc đánh số thứ tự cho tất cả các phân hệ từ 1 liên tục cho tới cuối tháng là chưa phù hợp vì chưa có sự phân biệt giữa các phân hệ với nhau, đồng thời bị trùng lặp các số chứng từ sẽ gây khó khăn khi tra cứu.

Ví dụ:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức						Mẫu sổ S03a-DNN	
2	137 Hói Kiếng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
3	SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
4	Năm 2025							
5								
6	NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
7		SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
1556	21/04	000059	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
1557				Tiền Việt Nam	X	1111	0	1.200.000
1558				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	109.091	0
1559				Chi phí dầu diesel	X	1541	1.090.909	0
1560	21/04	000071	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
1561				Tiền Việt Nam	X	1111	0	2.049.690
1562				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	186.335	0
1563				Chi phí dầu diesel	X	1541	1.863.355	0
1564	22/04	000004	22/04	**Cước vận chuyển nội địa**				
1565				Phải thu của khách hàng	X	131	90.720.000	0
1566				Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	6.720.000
1567				Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	0	84.000.000

b5. Số chứng từ được đánh theo số thứ tự tự 1 liên tục tới cuối tháng nhưng kế toán lại nhập liệu vào phần mềm không theo trình tự thời gian nên dẫn đến số thứ tự bị nhảy lộn xộn không theo thời gian (thường gặp ở việc hạch toán các chứng từ đầu vào).

b6. Hiện nay, công ty chủ yếu tập hợp chi phí nhiên liệu dựa trên các hóa đơn mua dầu phát sinh thực tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn chưa xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu cụ thể cho từng loại container 20 feet và 40 feet. Điều này dẫn đến việc kiểm soát mức tiêu hao nhiên liệu giữa các chuyến xe còn gặp nhiều khó khăn, gây hạn chế trong công tác quản lý chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động vận tải

b7. Hạch toán nghiệp vụ chưa phù hợp với bản chất:

Hiện tại công ty đang hạch toán khoản chiết khấu thương mại được hưởng từ nhà cung cấp nhiên liệu vào TK 711 – Thu nhập khác. Tuy nhiên khoản chiết khấu này phát sinh trực tiếp từ hoạt động mua nhiên liệu phục vụ vận tải nên bản chất là khoản làm giảm chi phí đầu vào, không phải thu nhập khác.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết kinh doanh tại công ty.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức, có thể nhận thấy công ty đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cũng như hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty có thể xem xét một số kiến nghị sau:

a. Về tổng quan:

Thực tế	Đề xuất
Trong bộ máy kế toán, một số nhân viên còn kiêm nhiệm nhiều công việc	Do số lượng chứng từ vận tải phát sinh khá nhiều vào cuối tháng nên công ty

như kế toán kiêm thủ quỹ, dẫn đến khối lượng công việc lớn và chưa đảm bảo nguyên tắc phân chia trách nhiệm trong công tác kế toán. Điều này có thể làm giảm tính kiểm soát đối với các khoản thu – chi tiền mặt và dễ xảy ra sai sót trong quá trình xử lý chứng từ.	cần phân công công việc hợp lý giữa các nhân viên kế toán hoặc bố trí thêm nhân sự hỗ trợ trong thời gian cao điểm để giảm áp lực công việc và hạn chế sai sót khi kiểm tra chứng từ.

b. Về công tác kế toán:

b1. Nội dung diễn giải kết chuyển doanh thu phù hợp với bản chất hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của công ty:

Thực tế

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiẽng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	1,318,378,007	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,318,378,007
			TỔNG CỘNG			97,838,223,468	97,838,223,468

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu — Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng
Giám đốc — Nguyễn Thị Dung

Đề xuất

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hói Kiẽng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh Thu bán hàng và CCDV sang KQSXKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	1,318,378,007	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,318,378,007
			TỔNG CỘNG			97,838,223,468	97,838,223,468

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu — Nguyễn Thị Huyền
Kế toán trưởng
Giám đốc — Nguyễn Thị Dung

b2. Nội dung diễn giải các nghiệp vụ dịch vụ vận chuyển cần được trình bày đầy đủ, rõ ràng và chi tiết theo từng chuyến xe nhằm phản ánh chính xác bản chất hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Thực tế

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
22/04	000004	Cước vận chuyển nội địa	131	0	84.000.000
28/04	000005	Cước vận chuyển Tiên Sa - Bình Định	131	0	18.370.000
30/04	000006	Cước vận chuyển Tiên Sa - Phú Yên, Quảng Ngãi, (	131	0	75.000.000
30/04	000007	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam, Huế, Quản	131	0	155.299.092
30/04	000008	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam,Huế	131	0	181.390.000

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

Đề xuất

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		**0**	**0**
22/04	000004	Cước vận chuyển Ngũ Hành Sơn - Sơn Trà Đà Nẵng	131	0	84.000.000
28/04	000005	Cước vận chuyển Tiên Sa - Bình Định	131	0	18.370.000
30/04	000006	Cước vận chuyển Tiên Sa - Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam	131	0	75.000.000
30/04	000007	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam, Huế, Quảng Ngãi	131	0	155.299.092
30/04	000008	Cước vận chuyển Tiên Sa - Quảng Nam,Huế	131	0	181.390.000

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

b3. Ứng dụng công nghệ vào công tác kế toán để tránh việc nhập liệu tay các chứng từ gây sai sót và mất thời gian sửa chữa.

b4. Nên tạo ký hiệu chữ trước số chứng từ để phân biệt các phân hệ khác nhau:

Thực tế

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức
137 Hồi Kiểng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
21/04	000059	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	1.200.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	109.091	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	1.090.909	0
21/04	000071	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	2.049.690
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	186.335	0
			Chi phí dầu diesel	X	1541	1.863.355	0
22/04	000004	22/04	**Cước vận chuyển nội địa**				
			Phải thu của khách hàng	X	131	90.720.000	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	6.720.000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	0	84.000.000

Đề xuất

Công Ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Tâm Toàn Đức

137 Hói Kiềng 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu sổ S03a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

	NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
		SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
1556	21/04	PC000059	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
1557				Tiền Việt Nam	X	1111	0	1.200.000
1558				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	109.091	0
1559				Chi phí dầu diesel	X	1541	1.090.909	0
1560	21/04	PC000071	21/04	**Chi đổ dầu Diesel**				
1561				Tiền Việt Nam	X	1111	0	2.049.690
1562				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	186.335	0
1563				Chi phí dầu diesel	X	1541	1.863.355	0
1564	22/04	VC000004	22/04	**Cước vận chuyển nội địa**				
1565				Phải thu của khách hàng	X	131	90.720.000	0
1566				Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	6.720.000
1567				Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	0	84.000.000

b_5. Kế toán nên thực hiện nhập liệu vào phần mềm theo trình tự thời gian để phù hợp với trình tự số chứng từ hoặc cuối kỳ nên chạy lại số chứng từ theo trình tự thời gian để phù hợp với nguyên tắc kế toán.

b_6. Lập bảng theo dõi cho đơn hàng vận chuyển:

Thực tế	Đề xuất
Hiện nay, công ty chủ yếu tập hợp chi phí nhiên liệu dựa trên các hóa đơn mua dầu phát sinh thực tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn chưa xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu cụ thể cho từng loại container 20 feet và 40 feet. Điều này dẫn đến việc kiểm soát mức tiêu hao nhiên liệu giữa các chuyến xe còn gặp nhiều khó khăn, gây hạn chế trong công tác quản lý chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động vận tải	Công ty nên lập bảng theo dõi doanh thu, chi phí và lãi lỗ riêng cho từng chuyến xe container thay vì chỉ tính toán dựa trên kinh nghiệm hoặc tính nhẩm như hiện nay. Trong bảng theo dõi cần thể hiện đầy đủ doanh thu vận chuyển, chi phí dầu, phí cầu đường, phí bốc dỡ, lương tài xế và các khoản phát sinh khác để xác định chính xác hiệu quả của từng chuyến xe.

B_7. Xem xét lại bản chất nghiệp vụ và hạch toán vào tài khoản phù hợp:

Thực tế	Đề xuất

Hiện tại công ty đang hạch toán khoản chiết khấu thương mại được hưởng từ nhà cung cấp nhiên liệu vào TK 711 – Thu nhập khác.
Ví dụ: Ngày 13/09/2025, Công ty TNHH Thương mại Xứ Lạng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 22563 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức. Nội dung hóa đơn là mua dầu Diesel 0.05S mức 2 với số lượng 520,832 lít. Tổng tiền hàng trước thuế là 9.167.607 VND, thuế GTGT 8% là 686.727 VND, chiết khấu thương mại 583.524 VND. Tổng số tiền thanh toán cuối cùng là 9.270.810 VND.
Thực tế công ty hạch toán:
• Nợ TK 1541: 9.167.607 VND
• Nợ TK 133 : 686.727 VND
  • Có TK 711: 583.524 VND
  • Có TK 331: 9.270.810 VND
	- Theo quy định kế toán tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, khoản chiết khấu thương mại được hưởng từ nhà cung cấp nhiên liệu có liên quan trực tiếp đến chi phí mua dầu Diesel phục vụ hoạt động vận tải nên không phù hợp khi hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác. Việc ghi nhận vào TK 711 sẽ làm tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, đồng thời chưa phản ánh đúng bản chất là khoản giảm trừ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
	- Đối với nghiệp vụ trên, công ty nên hạch toán khoản chiết khấu thương mại giảm trực tiếp vào chi phí nhiên liệu của TK 1541 để phản ánh đúng giá trị thực tế của chi phí vận tải phát sinh trong kỳ.
	Đề xuất hạch toán:
	• Nợ TK 1541: 8.584.083 VND
	• Nợ TK 133 : 686.727 VND
	  • Có TK 331: 9.270.810 VND

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế môi trường làm việc chuyên nghiệp, tìm hiểu rõ hơn về cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động cũng như các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đang theo học. Quá trình thực tập không chỉ giúp em củng cố và vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học trên giảng đường mà còn giúp em tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn, rèn luyện kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp và ý thức trách nhiệm trong công việc. Bên cạnh những kết quả đạt được, em cũng nhận thức được những hạn chế của bản thân như kinh nghiệm thực tế còn chưa nhiều, khả năng xử lý tình huống còn chậm và cần tiếp tục trau dồi thêm kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, đây cũng chính là động lực để em tiếp tục học hỏi và hoàn thiện bản thân trong thời gian tới. Thông qua khóa luận tốt nghiệp, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức cùng các anh/chị trong đơn vị đã nhiệt tình hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt quá trình thực tập. Em cũng xin cảm ơn quý thầy/cô đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn để em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được trong thời gian thực tập sẽ là hành trang quý báu cho quá trình học tập và công việc sau này của em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS).*
2. *Thông tư sô 133/2016/TT-BTC về chê độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.*
3. *Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp.*
4. *Thông tư 96/2015/1T-BTC hành ngày 22/6/2015 bởi Bộ Tài chính, hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.*
5. *Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.*
6. *Các tài liệu tham khảo tại thư viện Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng.*
7. *Các tài liệu tham khảo của Công Ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Tâm Toàn Đức năm 2025*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN ……..

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ….. tháng …… năm 2026

ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, ……, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....
.....
.....
.....
.....

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....
.....
.....

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....
.....

.....

- **Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
    - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Phụ lục 2: Giấy phép Kinh doanh Vận tải bằng xe ô tô

Phụ lục 3: Hợp đồng nguyên tắc số: 124/2025/HN-TTĐ

Phụ lục 4: Phụ lục kết chuyển hoạt động sản suất kinh doanh

PHỤ LỤC 1

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0402071843

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

498/3 Võ Nguyên Giáp , Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: *0943.860.922* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/04/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *201553096*

Ngày cấp: *30/05/2019* Nơi cấp: *Công an thành phố Đà Nẵng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 11, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 11, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đoàn Việt Tiến

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 2

Giấy phép Kinh doanh Vận tải bằng xe ô tô

UBND TỈNH, TP.ĐÀ NẴNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Số: 77/2023/GPKDVT Cấp lần thứ: 01
(Cấp lần đầu: Số ..... Ngày ... tháng ... năm ... nơi cấp .....)

1. Cấp cho đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
2. Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp, P Khuê Mỹ, Q Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
3. Số điện thoại: 0943860922
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số 0402071843 ngày 03 tháng 02 năm 2020 cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng
5. Họ và tên người đại diện hợp pháp: NGUYỄN THỊ DUNG
6. Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ôtô:
   - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

Giấy phép có giá trị đến ngày Không thời hạn

Đà Nẵng Ngày *06* tháng *04* năm *2023*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đặng Nam Sơn

PHỤ LỤC 3
Hợp đồng nguyên tắc số: 124/2025/HN-TTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
(Số: 124/2025/HN-TTĐ)

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật Thương mại số 36/2005 - QH11 được Quốc hội khóa XI nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2025, Chúng tôi gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬ XÂY DỰNG HÀ NỘI**
Địa chỉ : Số 36 Nguyên Hồng - P Láng Hạ - Quận Đống Đa- Thành Phố - Hà Nội
Mã số thuế : 0101539091
Do ông : Trần Hồng Hải - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

BÊN B : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC**
Địa chỉ : 498/3 Võ Nguyên Giáp, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0943860922
Tài khoản số : 1033217869 Ngân hàng Vietcombank,Chi Nhánh Đà Nẵng
320160855 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng –VPBank
Mã số thuế : 0402071843
Do bà : **Nguyễn Thị Dung** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Sau khi thỏa thuận, hai bên đã thống nhất thực hiện các điều khoản sau:

Điều 1: **Loại dịch vụ - Số lượng.**
- Bên A thuê bên B và bên B đồng ý bố trí lao động và phương tiện thực hiện việc nâng hạ, vận chuyển hàng hóa cho bên A.
- Loại hàng: hàng hóa đóng vào container hoặc hàng rời hoặc theo yêu cầu của khách hàng
- Số lượng: tùy thuộc vào yêu cầu vận chuyển cho từng lô hàng.
- Tuyến vận chuyển: theo từng lô hàng cụ thể trong nước
- Thời gian vận chuyển: theo từng lô hàng cụ thể.

Điều 2: **Giá cả và Phương thức thanh toán.**
- Giá vận chuyển được thỏa thuận theo từng lô hàng và dựa theo báo giá, biên bản giao nhận hoặc bảng kê đính kèm.
- Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời gian thanh toán: Ngay sau khi kết thúc dịch vụ, hai bên tiến hành đối chiếu và lập chứng từ thanh toán gồm bảng kê và hóa đơn giá trị gia tăng. Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ lúc bên A nhận đầy đủ các chứng từ dùng thanh toán.

Điều 3: **Trách nhiệm của từng bên.**

Trách nhiệm của bên A:

- Thông báo kế hoạch vận chuyển cho bộ phận chức năng của bên B trước 48h.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, thủ tục cho việc tiếp nhận, giao hàng cho bên B đúng thời điểm, thời gian phù hợp với phương thức vận chuyển đường bộ, cung cấp đầy đủ các chứng từ về hàng hóa để công tác vận chuyển được thông suốt.
- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho bãi đảm bảo cho phương tiện của bên B nhận và trả hàng thuận tiện, chịu trách nhiệm về việc hướng dẫn cho bên B ra vào nơi đóng hàng theo đúng tuyến đường không trái với quy định cầu đường của sở GTCC nơi đóng hàng.
- Đảm bảo đủ hàng hoá theo năng suất đã thoả thuận để phương tiện của bên B vận chuyển.
- Thanh toán cho bên B theo quy định tại điều 2.

Trách nhiệm của bên B:

- Bên B chịu trách nhiệm tổ chức việc vận chuyển hàng hóa một cách tốt nhất, đảm bảo khối lượng và lịch trình bên A yêu cầu. Các phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, người lái xe có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thời gian vận chuyển và an toàn hàng hóa kể từ khi nhận hàng đến khi giao hàng dứt điểm.
- Hỗ trợ cho bên A trong việc giải quyết với Cảng Đà Nẵng những vấn đề phát sinh về giao nhận tại bãi Cảng, hỗ trợ thông quan hàng hóa (nếu bên A có yêu cầu).
- Có quyền từ chối vận chuyển hàng không đúng theo chủng loại và tuyến đường đã thỏa thuận.

Điều 4: **Phương thức giao nhận hàng hóa**

- Hàng nhận nguyên container, nguyên seal giao nguyên container, nguyên seal.
- Trường hợp giao nhận không bằng container thì nhận hàng theo phương thức nào thì giao theo phương thức ấy.
- Trường hợp nhận hàng không đúng qui định trên thì phải có Biên bản xác nhận của các cơ quan chức năng liên quan hoặc của đại diện hai bên tại thời điểm giao nhận đính kèm để làm cơ sở pháp lý về sau.

Điều 5: **Thời hạn và hiệu lực hợp đồng.**

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động gia hạn cho các năm sau.
- Hợp đồng chấm dứt khi hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng (hai bên có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này thì hợp đồng mới được thanh lý).

Điều 6: **Điều khoản chung.**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề phát sinh thì hai bên sẽ chủ động thông báo và cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau để thực hiện hợp đồng một cách tốt nhất. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì chọn quyết định của Tòa án kinh tế thành phố Đà Nẵng làm chung thẩm cho cả hai bên.
- Hợp đồng được lập thành 4 bản (bốn) có 6 điều khoản trong 2 trang, mỗi bên giữ 02 bản (một) có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Hồng Hải	Nguyễn Thị Dung

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG

Bên A: **Công ty cổ phần kiểm định và kỹ thuật xây dựng Hà Nội**

Đại diện: Ông Trần Hồng Hải - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Địa chỉ : Số 36 Nguyên Hồng - P Láng Hạ - Quận Đống Đa- Thành Phố - Hà Nội

Bên B: Công ty CP thương mại và dịch vụ Tâm Toàn Đức

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Dung - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc Số: 124/2025/KĐ-TĐ ký ngày 12/04/2025

Căn cứ đơn đặt hàng ngày ……..

Công ty cổ phần kiểm định và kỹ thuật xây dựng Hà Nội gửi tới quý công ty khối lượng công việc thực hiện như sau:

ĐVT : VNĐ

STT	Nội dung	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Cước vận chuyển tải bê tông từ Ngũ Hành Sơn , Đà Nẵng đến công trình Sơn Trà , Đà Nẵng	Tấn	1200	70,000	84,000,000
Tổng cộng chưa bao gồm Vat					84,000,000
Vat (8%)					6,720,000
Tổng cộng cả thuế					**90,720,000**
Bằng chữ: Chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng ./.					

Đà Nẵng, ngày ..... tháng ..... năm ……

ĐẠI DIỆN BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC

PGS.TS.Trần Hồng Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dung

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Bên A: **Công ty cổ phần kiểm định và kỹ thuật xây dựng Hà Nội**

Đại diện: Ông Trần Hồng Hải - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Địa chỉ : Số 36 Nguyên Hồng - P Láng Hạ - Quận Đống Đa- Thành Phố - Hà Nội

Bên B: Công ty CP thương mại và dịch vụ Tâm Toàn Đức

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Dung - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 498/3 Võ Nguyên Giáp, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc Số: 124/2025/KĐ-TĐ ký ngày 12/04/2025

Công ty cổ phần kiểm định và kỹ thuật xây dựng Hà Nội gửi tới quý công ty khối lượng công việc thực hiện như sau:

ĐVT : VNĐ

STT	Nội dung	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Cước vận chuyển tải bê tông từ Ngũ Hành Sơn , Đà Nẵng đến công trình Sơn Trà , Đà Nẵng	Tấn	1200	70,000	84,000,000
Tổng cộng chưa bao gồm Vat					84,000,000
Vat (8%)					6,720,000
Tổng cộng cả thuế					**90,720,000**
Bằng chữ: Chín mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng ./.					

Đà Nẵng, ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC

PGS.TS.Trần Hồng Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dung

PHỤ LỤC 4

Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂM TOÀN ĐỨC
[03] Mã số thuế: 0402071843

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	11.327.258.793
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	326.280
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	10.655.889.325
a	Giá vốn hàng bán	[13]	9.778.771.149
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	877.118.176
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	385.356.891
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	385.356.891
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	286.338.857
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	322.328.012
8	**Chi phí khác**	**[20]**	501.990.377
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(179.662.365)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	106.676.492

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 29 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thị Dung

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*